

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

VẬN ĐỘNG CÔNG CHÚNG THAM GIA XÂY DỰNG CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Dành cho các tổ chức xã hội và các tổ chức cộng đồng)

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

VẬN ĐỘNG CÔNG CHÚNG THAM GIA XÂY DỰNG CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Dành cho các tổ chức xã hội và các tổ chức cộng đồng)

LỜI GIỚI THIỆU

Cùng với quá trình đổi mới kinh tế, Việt Nam những năm gần đây chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng về mặt số lượng của các tổ chức xã hội, tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau và đóng góp rất lớn cho quá trình xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, cung cấp các dịch vụ thiết yếu tại cộng đồng và tham gia tích cực vào việc thực hành dân chủ từ cấp địa phương đến trung ương.

Một vai trò rất quan trọng của các tổ chức xã hội là chuyển tải những suy nghĩ, quan điểm của người dân về các vấn đề cụ thể đến những nhà hoạch định chính sách nhằm xây dựng được những chính sách, pháp luật phù hợp với nguyện vọng của người dân và cộng đồng. Tuy nhiên, để làm tốt việc này đòi hỏi các tổ chức xã hội và/ hoặc các cá nhân có khả năng kết nối cùng những kỹ năng và các bước thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương. Trong khuôn khổ dự án ba năm “Nâng cao năng lực cho các tổ chức xã hội dân sự tham gia vào quá trình xây dựng chính sách ở Việt Nam”, Quỹ Châu Á đã hỗ trợ Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn Quản lý Tài nguyên (CORENARM) thực hiện dự án nhỏ “Vận động công chúng tham gia xây dựng quy chế quản lý tài nguyên khu vực vùng đệm thuộc khu bảo tồn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế” từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 2 năm 2011. Với nhiều nỗ lực của CORENARM và cộng đồng địa phương, dự án nhỏ này đã xây dựng được Quy định ‘Cộng đồng tham gia quản lý, khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ tại xã Phong Mỹ thuộc vùng đệm Khu bảo tồn Thiên nhiên Phong Điền’ được Ủy ban Nhân dân xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền ban hành vào tháng 2 năm 2011. Các bước trong quá trình thực hiện vận động công chúng ở xã Phong Mỹ tham gia xây dựng quy định trên đã được tư liệu hoá thành cuốn sổ tay “Hướng dẫn vận động công chúng tham gia xây dựng các quy định quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”. Với những hướng dẫn chi tiết, các bước thực hiện cụ thể kết hợp cùng các bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn dự án, nhóm tác giả hy vọng cuốn sổ tay mang đến

các thông tin hữu ích cho các tổ chức xã hội Việt Nam trong quá trình vận động chính sách của các dự án tương tự ở địa phương.

Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ tài chính của Quỹ Châu Á cũng như sự trợ giúp kỹ thuật của các cán bộ của Quỹ, cụ thể là Tiến sĩ Ninh Ngọc Bảo Kim, bà Lê Thu Hiền, bà Nguyễn Thu Hằng với những ý kiến chỉnh sửa đề biên soạn, hoàn thành và xuất bản cuốn Sổ tay này. Chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đối với Tiến sĩ Ngô Trí Dũng, giảng viên Khoa Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Huế và các cán bộ Ban quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Phong Điền về những đóng góp kinh nghiệm và kiến thức của mình cho quá trình xây dựng cuốn sổ tay này.

Nhóm tác giả sẽ ghi nhận tất cả mọi góp ý và kiến nghị của độc giả vì mục đích nâng cao chất lượng cuốn sách.

Nhóm tác giả

Bùi Phước Chương - Đỗ Đăng Tèo

MỤC LỤC

1. ĐẶT VẤN ĐỀ	9
1.1. Lời mở đầu	9
1.2. Giới thiệu về cuốn sổ tay	11
1.3. Các kiến thức cơ bản về vận động công chúng liên quan đến quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường	12
2. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN	20
2.1. Bước 1: Khảo sát và đánh giá nhận thức, các mong muốn và yêu cầu thực hiện quy định	21
2.2. Bước 2: Tham vấn cộng đồng lần 1 về các quy định	25
2.3. Bước 3: Tham vấn các cơ quan quản lý Nhà nước về nội dung và cơ sở pháp lý liên quan đến quy định/ quy chế	30
2.4. Bước 4: Xử lý số liệu và soạn thảo bản thảo quy định	32
2.5. Bước 5: Tham vấn người dân và chính quyền địa phương (thôn và xã) về các nội dung của quy định	34
2.6. Bước 6: Tham vấn lãnh đạo các cơ quan liên quan và chính quyền (xã, huyện và tỉnh) về nội dung các quy định	37
2.7. Bước 7: Vận động hành lang để ban hành quy định	42
2.8. Bước 8: Ban hành quy định và tổ chức thực hiện	46
2.9. Bước 9: Giám sát và đánh giá thực hiện quy định	48
3. CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM	50
3.1. Đối với tiến trình soạn thảo và phê duyệt	50
3.2. Đối với tiến trình vận động, thực hiện, giám sát và đánh giá	51
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	54

BẢNG

Bảng 1: Mẫu 1 - Xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật cho mỗi loại LSNG ..28

Bảng 2: Mẫu 2 - Xác định các vấn đề liên quan đến quản lý và thực hiện quy chế28

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Chu trình xây dựng chính sách19

Sơ đồ 2: Chu trình vận động chính sách20

Sơ đồ 3: Các bước thực hiện ban hành các quy định có sự tham gia ...21

HỢP

Hợp 1: Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của UBTV Quốc hội về Thực hiện Dân chủ ở xã, phường, thị trấn (trích).14

Hợp 2: Nấc thang của các nhu cầu vận động hành lang43

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Xác định các vấn đề liên quan đến quản lý và thực hiện quy chế56

Phụ lục 2: Danh sách các văn bản pháp luật làm căn cứ để soạn thảo quy định58

Phụ lục 3: Quyết định của UBND xã Phong Mỹ60

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BQL	Ban quản lý
CORENARM	Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn Quản lý Tài nguyên
HĐND	Hội đồng Nhân dân
HTNVCS	Hội Thiên nhiên vì Cuộc Sống
KBTTN	Khu bảo tồn thiên nhiên
KBTTNPĐ	Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
TAF	Quỹ Châu Á (The Asia Foundation)
THCS	Trung học cơ sở
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TTH	(tỉnh) Thừa Thiên Huế
UBND	Ủy ban Nhân dân

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Lời mở đầu

Khi nói đến chính sách, người ta nghĩ ngay đến những văn bản pháp luật và quy định do nhà nước ban hành nhằm tác động đến các khía cạnh của đời sống xã hội. Tuy nhiên, tác động của chính sách có thể là tích cực hoặc tiêu cực. Khi các tác động đi ngược lại mong muốn của các nhà quyết định chính sách thì những câu hỏi đặt ra là tại sao các mục tiêu của chính sách chưa đạt được theo các ý tưởng ban đầu hoặc mục tiêu của các chính sách đề ra có phù hợp với các nhóm đối tượng áp dụng không? Và nếu có thì có cách nào để thay đổi cho nó phù hợp? Vì vậy, để các chính sách đã được ban hành phù hợp hơn với người dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ và được thực hiện tốt, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạch định chính sách trước hết cần phải tham vấn người dân và các tổ chức liên quan, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của họ. Để từ đó, các nhà soạn thảo chính sách đưa ra được các chính sách phù hợp với mong muốn của họ và của người dân. Nếu thực hiện được như vậy thì tính khả thi và hiệu quả thực hiện của các chính sách được ban hành mới được nâng cao.

Cho tới nay, có rất nhiều khái niệm về vận động chính sách. Nhiều nhà nghiên cứu ở nước ta cho rằng: Vận động chính sách là quá trình tác động vào những nhà hoạch định chính sách, những người ra quyết định để tạo ra một chính sách phù hợp hơn, minh bạch và hiệu quả hơn. Cũng có thể hiểu, vận động chính sách công là một nỗ lực nhằm gây ảnh hưởng đến các nhà ra quyết định chính sách, nhằm góp phần đấu tranh cho những thay đổi xã hội, thay đổi nhận thức và thái độ của công chúng, điều chỉnh hành vi hoặc huy động các nguồn lực về nhân lực và tài lực. Ngoài ra, vận động chính sách không chỉ bao gồm việc thay đổi hay tạo ra các chính sách mới mà còn là việc đưa chính sách vào thực hiện. Ngày nay, vận động chính sách là một chiến lược thường được các tổ chức dân sự thậm chí là các nhà hoạch định chính sách trên thế

giới sử dụng để gây ảnh hưởng tới chính sách. Nó là quá trình tác động đến quá trình xây dựng và ban hành chính sách nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các chính sách công hiện hành.

Với sự tài trợ của Quỹ Châu Á (The Asia Foundation - TAF), dự án *“Vận động công chúng tham gia xây dựng quy chế quản lý tài nguyên khu vực vùng đệm thuộc khu bảo tồn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế”* (gọi tắt là Dự án) đã được xây dựng và triển khai ở huyện Phong Điền. Quá trình thực hiện dự án đã nhận được sự chỉ đạo và hỗ trợ tích cực của các thành viên của CORENARM, Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền (KBTTNPĐ) và các bên liên quan cấp huyện và xã. Một số thành quả bước đầu của dự án liên quan đến vận động chính sách đã mang lại một ý nghĩa rất quan trọng, làm bàn đạp và cơ sở cầu nối cho các hoạt động sau này. Một quy trình thực hiện các hoạt động dự án liên quan đến vận động chính sách được áp dụng theo các hướng dẫn đã được thu nhận qua các khóa đào tạo cũng như kinh nghiệm thực hiện ở hiện trường của các cán bộ CORENARM và KBTTNPĐ.

Khởi đầu là hoạt động khảo sát nhận thức của người dân và mong muốn của họ trong việc xây dựng quy chế bảo tồn lâm sản ngoài gỗ ở khu vực vùng đệm của KBTTNPĐ. Sau khi có kết quả của cuộc khảo sát, CORENARM đã phối hợp với KBTTNPĐ tiến hành hai đợt tham vấn ở cấp thôn- xã và cấp huyện-tỉnh. Tại cấp thôn-xã, người dân và cán bộ thôn-xã - những người trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ lâm sản ngoài gỗ - được tham vấn tất cả các vấn đề liên quan đến việc quản lý, bảo tồn, phát triển và sử dụng nguồn tài nguyên LSNG như danh mục các loài LSNG, số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian khai thác LSNG theo hướng bền vững và trách nhiệm của các bên liên quan. Bản thảo quy định quản lý tài nguyên lâm sản ngoài gỗ ở khu vực vùng đệm của KBTTN cũng được soạn thảo và đã được trưng cầu ý kiến của các bên liên quan, như người dân, lãnh đạo thôn và xã trong buổi tham vấn đợt 1, và lãnh đạo và cán bộ các ban ngành liên quan cấp huyện và tỉnh tại buổi tham vấn lần 2. Các cơ quan có thẩm

quyền đã tham gia đóng góp ý kiến một cách tích cực và góp phần hoàn thiện hơn quy định này.

Song song với các hoạt động xây dựng chính sách, các hoạt động vận động công chúng tham gia trong quá trình quản lý, bảo vệ, phát triển và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên rừng, đất và nước, cũng được Dự án triển khai. Các hoạt động này đã hỗ trợ và giúp vận động các cơ quan quản lý nhà nước cấp cơ sở và người dân hiểu rõ hơn các vấn đề cấp bách cũng như tiến trình thực hiện xây dựng chính sách có sự tham gia của các cấp cơ sở. Qua đó, việc ban hành chính sách cũng như áp dụng ở địa phương thuận lợi hơn do các bên liên quan đã được tham vấn và ủng hộ cho tiến trình thực hiện.

1.2. Giới thiệu về cuốn sổ tay

Cuốn sổ tay này là sản phẩm được tư liệu hóa từ quá trình thực hiện các bước trong tiến trình thực hiện vận động công chúng tham gia xây dựng chính sách của Dự án “*Vận động Công chúng Tham gia Xây dựng Quy chế Quản lý Tài nguyên thuộc vùng đệm Khu bảo tồn Thiên nhiên Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế*”. Cuốn sổ tay này mô tả tiến trình và cung cấp các phương pháp để thúc đẩy sự tham gia của công chúng trong quá trình xây dựng các chính sách ở địa phương. Cách tiếp cận này giúp các cộng đồng địa phương đóng góp ý kiến và quan điểm của mình trong các chính sách liên quan đến quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đây là cuốn sách hướng dẫn thực hiện vận động công chúng, với các bước hướng dẫn thực hiện chi tiết, cụ thể nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức dân sự, các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương, các cán bộ địa phương và các dự án liên quan đến huy động người dân tham gia xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện. Các thành viên thực hiện xây dựng và vận động chính sách có thể sử dụng sổ tay này để:

- Xây dựng quy trình vận động và các quy định có sự tham gia của cộng đồng.

- Vận động công chúng tham gia vào các tiến trình.
- Tổ chức các buổi tham vấn cộng đồng và lãnh đạo trong tiến trình xây dựng các chính sách.

1.3. Các kiến thức cơ bản về vận động công chúng liên quan đến quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường

1.3.1. Vận động chính sách là gì?

Vận động chính sách được sử dụng nhằm hướng đến thay đổi những chính sách công cụ thể. Những chính sách đó có thể bao gồm luật pháp, quy định pháp luật liên quan đến đời sống xã hội như thương mại, lao động, giao thông, đất đai, tài chính, thuế và các loại phí, các quyết định của tòa án, mệnh lệnh, quyết định hành chính, và các thủ tục hành chính khác. Vận động chính sách công là việc tuyên truyền, giải thích, thông tin, và động viên, thậm chí gây sức ép đến những cơ quan và cá nhân nghiên cứu, soạn thảo và ban hành các chính sách công nhằm xây dựng các chính sách công phù hợp với nguyện vọng chính đáng của người hoặc nhóm người vận động (Quỹ Châu Á, 2010, 1). Nói cách khác, vận động chính sách liên quan tới việc thể hiện ủng hộ hoặc tập hợp ủng hộ quan điểm về các chính sách công cụ thể. Quan điểm đưa ra có thể là nhằm tán thành, không tán thành hoặc đề xuất sửa đổi một chính sách cụ thể. Mục tiêu của vận động chính sách là thúc đẩy và củng cố thay đổi trong chính sách, chương trình hay xây dựng luật pháp, hơn cả việc cung cấp những trợ giúp trực tiếp cho khách hàng hay người sử dụng dịch vụ. Vận động chính sách hướng tới việc đạt được sự ủng hộ từ người khác, có nghĩa là tạo ra một môi trường ủng hộ.

Vận động chính sách công là quá trình hành động được chuẩn bị, nghiên cứu, tính toán và thực hiện kỹ lưỡng nhằm gây ảnh hưởng đối với những người chuẩn bị và/hoặc ra quyết định chính sách. Chúng ta phải sử dụng một loạt các phương pháp và chiến lược có cơ sở khoa học để đạt được mục đích khi thực hiện vận động chính sách công. Vận động chính sách sử dụng chiến lược thông tin, giáo dục, truyền thông

để hoàn thành mục đích của nó (UNFPA, 1997). Nếu kết quả đã đạt được sau khi tiến hành bước vận động đầu tiên chưa thỏa mãn các yêu cầu đề ra, chúng ta cần yêu cầu tiếp tục thực hiện cuộc vận động cho đến khi cơ quan và/hoặc người có trách nhiệm phản hồi hoặc đáp ứng thỏa đáng các yêu cầu của cuộc vận động.

Vận động chính sách là hoạt động không dễ dàng và được áp dụng với nhiều chiến lược và phương pháp khác nhau. Bởi vì rất nhiều chính sách công có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân có liên quan hoặc các nhóm lợi ích nhất định, nên cộng đồng người dân bị ảnh hưởng cần phải nêu rõ quan điểm sao cho sự thay đổi về chính sách đó có thể cải thiện được môi trường cuộc sống của họ. Hiện nay, Nhà nước đã ban hành các quy định nhằm thúc đẩy sự tham gia của cơ sở và các tổ chức xã hội trong quá trình vận động chính sách công.

1.3.2. Cơ sở pháp lý về huy động sự tham gia của công chúng

Pháp lệnh dân chủ cơ sở: “Pháp lệnh số 34/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn” là văn bản pháp lý quan trọng, đánh dấu một bước mới trong việc thể chế hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, và dân kiểm tra” của nhà nước, nhằm phát huy quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân ngay từ cơ sở. Nhằm nâng cao tính pháp lý của các Nghị định về thực hiện dân chủ cơ sở, Pháp lệnh Dân chủ ở xã, phường, thị trấn đã quy định cụ thể và tập trung vào những nội dung phải công khai để dân biết, dân bàn và tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, quy định quyền giám sát của nhân dân, nguyên tắc thực hiện dân chủ và các hành vi bị nghiêm cấm trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

**Hộp 1: Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007
của UBTV Quốc hội về Thực hiện Dân chủ ở xã, phường,
thị trấn (trích).**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định những nội dung phải công khai để nhân dân biết; những nội dung nhân dân bàn và quyết định; những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; những nội dung nhân dân giám sát; trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), của cán bộ thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố (sau đây gọi chung là tổ dân phố), của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và của nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

Điều 5. Những nội dung công khai

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã.
2. Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.
4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

5. Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.
6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.
7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
8. Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này.
9. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.
10. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.
11. Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Điều 10. Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết

1. Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.
2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.
3. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 19. Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.
2. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.
3. Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.
4. Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.
5. Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Điều 23. Những nội dung nhân dân giám sát

Nhân dân giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại các điều 5, 10, 13 và 19 của Pháp lệnh này.

Nguồn: Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2007.

Đối với các tổ chức xã hội và nghề nghiệp nói chung, năm 2002 đánh dấu mốc quan trọng, khẳng định vai trò của các tổ chức xã hội và nghề nghiệp trong quá trình vận động chính sách. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 22/2002/ QĐ-TTg ngày 30/1/2002 về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA). Quyết định này đã cho phép VUSTA có thể tham gia và thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chính sách, chương trình, dự án, đề án về phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và môi trường.

Nhà nước CHXHCN Việt Nam đã có những bộ luật quan trọng liên quan đến việc quy định ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Có hai bộ luật và các văn bản dưới luật đã được nhà nước ban hành cho hai cấp khác nhau trong hệ thống hành chính của Việt Nam là cấp trung ương (Quốc hội, Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành cấp trung ương) và cấp địa phương (cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương, cấp huyện, cấp xã). Đối với cấp trung ương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996, Luật số 2/2002/QH11 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 12 năm 2002, và Nghị định 161/2005/NĐ-CP của ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đối với cấp địa phương, Luật số 31/2004 về việc Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng Nhân dân (HĐND) và Ủy ban Nhân dân (UBND) đã được Quốc hội ban hành ngày 14/12/2004. Luật này đã quy định cụ thể các nội dung và trình tự thủ tục ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mà HĐND và UBND các cấp có thể ban hành theo thẩm quyền đã được quy định.

Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ở cấp trung ương không quy định việc bắt buộc phải tham vấn ý kiến của nhân dân và

cộng đồng doanh nghiệp khi ban hành các văn bản về chính sách kinh tế - xã hội. Trên thực tế, việc tham vấn ý kiến của nhân dân và các tổ chức liên quan chủ yếu được thực hiện đối với dự thảo Luật, Pháp lệnh và Nghị định. Tuy nhiên, cuộc sống xã hội lại cần những quy định chi tiết, cụ thể nhưng chúng lại không được tham vấn khi các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành Thông tư (Quỹ Châu Á, 2010, 1). Việc tham vấn ý kiến chỉ được thực hiện cho các cơ quan Bộ và ngang Bộ có liên quan (Luật số 2/QH 11 và Nghị định 161/2005). Do đó, việc tham vấn ý kiến vẫn là việc cần làm, nên làm, nhưng chưa phải là việc phải làm theo một quy trình bắt buộc. Từ đó, các cơ quan soạn thảo văn bản về chính sách có thể tham vấn hoặc không cần tham vấn ý kiến của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Một số ngoại lệ là việc tham vấn các ý kiến của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trước khi ban hành các văn bản về chính sách kinh tế, xã hội được thực hiện theo một chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, chỉ thị là một văn bản qui phạm có giá trị thấp hơn luật.

Đối với cấp địa phương, việc tham vấn ý kiến người dân và các tổ chức có liên quan được quy định tại điều 4, Luật số 31/2004 thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, cơ quan, tổ chức khác và cá nhân. Tuy nhiên, ở các cấp địa phương, việc tham vấn người dân và các tổ chức có liên quan đôi lúc không được thực hiện hoặc thực hiện chiếu lệ (Quỹ Châu Á, 2010, 1).

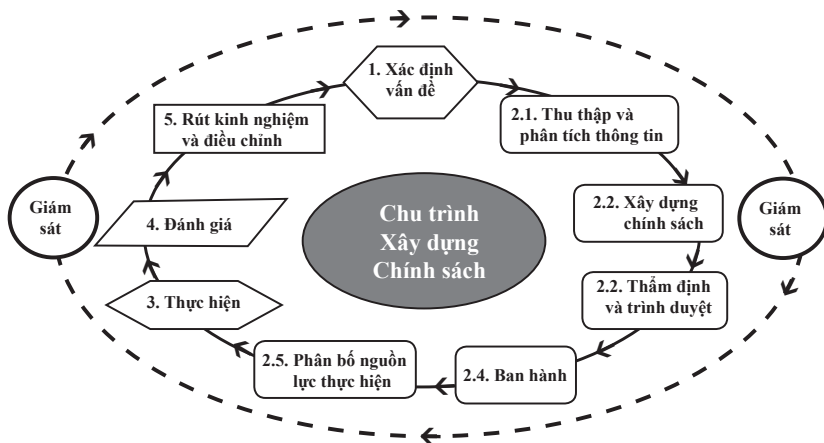
1.3.3. Chu trình xây dựng chính sách

Theo Quỹ Châu Á (2010, 1), hệ thống chính sách được hoạch định và thực thi trong cuộc sống thường trải qua một quá trình, bao gồm 5 giai đoạn chính sau:

- Phát sinh ý tưởng và khởi thảo chính sách: Xác định vấn đề.
- Hoạch định và ban hành chính sách, gồm 5 bước: thu thập và phân tích thông tin, xây dựng chính sách, thẩm định và trình duyệt, ban hành chính sách, và phân bổ nguồn lực thực hiện.

- Thực hiện chính sách.
- Đánh giá tác động và hiệu quả chính sách.
- Rút kinh nghiệm và sửa đổi chính sách.

Sơ đồ 1: Chu trình xây dựng chính sách



Nguồn: Quỹ Châu Á (2010,1)

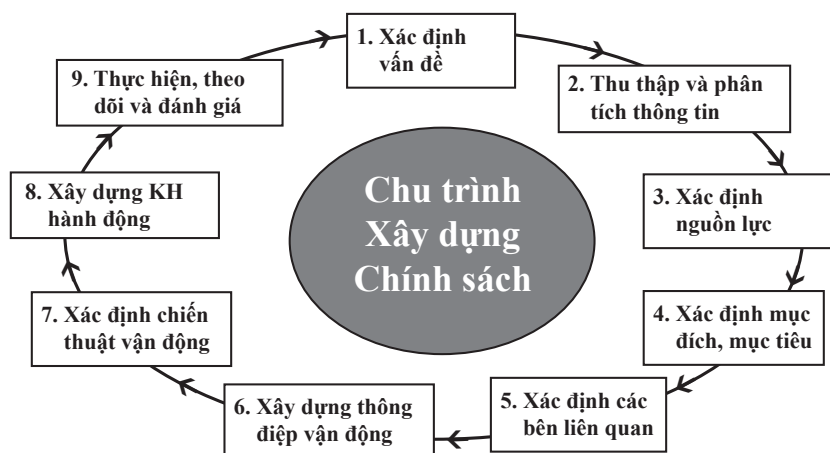
Mỗi giai đoạn có vai trò, nội dung khác nhau và có quan hệ chặt chẽ với nhau trong toàn bộ chu trình xây dựng chính sách. Hoạt động giám sát được xác định bao trùm toàn bộ quá trình, ở cả 4 giai đoạn, giúp điều chỉnh và hỗ trợ tiến trình xây dựng, ban hành, thực hiện và sửa đổi chính sách.

1.3.4. Chu trình vận động chính sách

Chu trình vận động chính sách được trình bày tại sơ đồ 2. Chu trình này có 9 bước, bắt đầu với việc xác định vấn đề/ nội dung cần vận động. Tổ chức hoặc cá nhân tổ chức vận động cần thu thập và phân tích các vấn đề liên quan đến chủ đề cần vận động đồng thời xác định các nguồn lực hiện có của mình. Trên cơ sở đó, việc xác định mục đích và mục tiêu cho việc vận động rất quan trọng nhằm xác định kết quả mong đợi và kết quả cuối cùng của việc vận động. Bước kế tiếp là việc xác định

các bên liên quan. Đặc biệt là người hay tổ chức liên lạc chính, cũng như xây dựng thông điệp, chiến lược và chiến thuật cho quá trình vận động chính sách. Với các đầu vào và mối quan hệ đã xác định, việc xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho vận động chính sách dựa trên chu trình ban hành chính sách đã xác định là rất cần thiết đảm bảo cho hoạt động chính sách được thực hiện nhịp nhàng và đạt mục tiêu đề ra. Với kế hoạch đã đặt ra, việc thực hiện các bước trong kế hoạch cũng như theo dõi và giám sát tiến trình cũng được triển khai đồng thời giúp tổ chức/ cá nhân vận động điều chỉnh kế hoạch hoặc chiến thuật cho phù hợp với thực tế cũng như hoàn cảnh trong suốt tiến trình thực hiện đến khi kết thúc cuộc vận động (Quỹ Châu Á, 2010, 2).

Sơ đồ 2: Chu trình vận động chính sách



Nguồn: Quỹ Châu Á (2010, 2)

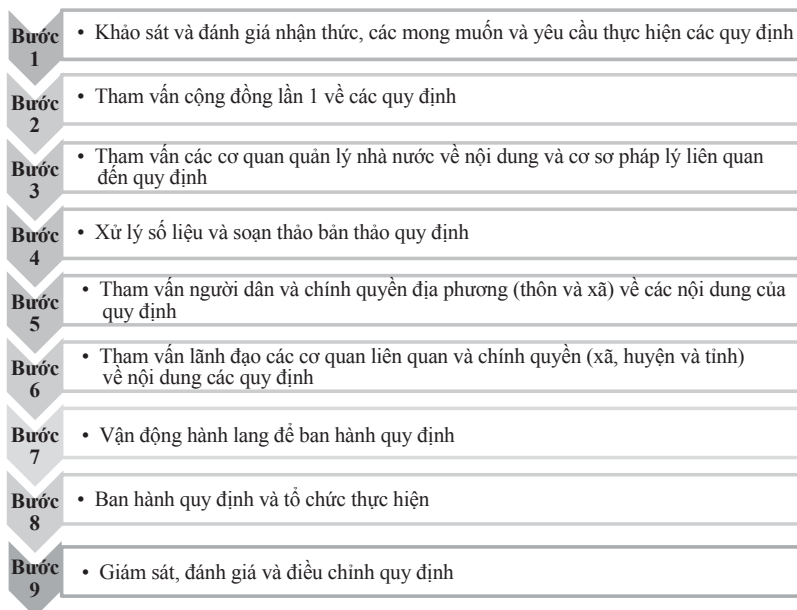
2. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN

Quá trình thực hiện vận động công chúng tham gia tiến trình ban hành các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường trải qua 9 bước ở các cấp độ khác nhau. Tiến trình thực hiện được trình bày tại sơ đồ 3. Phương pháp và các kết quả mong đợi của mỗi bước được trình bày cụ thể như sau:

2.1. Bước 1: Khảo sát và đánh giá nhận thức, các mong muốn và yêu cầu thực hiện quy định

2.1.1. Phương pháp thực hiện:

Sơ đồ 3: Các bước thực hiện ban hành các quy định có sự tham gia



a. Bối cảnh:

Những cuộc điều tra và khảo sát từ cộng đồng sẽ cung cấp những số liệu và vấn đề cụ thể nhằm tăng sức thuyết phục cho những khuyến nghị của các hội và các tổ chức. Các khuyến nghị được chuyển tải lên các cơ quan quản lý nhà nước bằng những số liệu và bằng chứng thực tế từ kết quả điều tra và khảo sát là cách chuyển tải được tiếng nói của tập thể, của nhiều nhóm lợi ích, nhiều tổ chức ở cấp cộng đồng. Điều này cũng giúp tránh tình trạng chỉ phản ánh ý kiến của một số cá nhân và tổ chức, và rất có ý nghĩa khi ở cộng đồng có nhiều thành phần và đối tượng có những quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Việc xác định đúng các vấn đề mà người dân và chính quyền địa phương quan tâm rất quan trọng. Điều này giúp các chính sách/ quy định được ban hành đáp ứng được nguyện vọng của địa phương, đặc biệt giúp cơ quan quản lý nhà nước có các công cụ pháp lý nhằm hỗ trợ họ trong việc quản lý tốt các lĩnh vực mà họ đang quản lý. Đồng thời, người dân với tư cách là người thực hiện và bị ảnh hưởng trực tiếp từ các quy định sẽ tham gia tích cực và tự nguyện trong tiến trình áp dụng các quy định sau này.

Việc đánh giá nhận thức, các mong muốn và yêu cầu của người dân và cán bộ quản lý về vấn đề hay chủ đề mà địa phương đang mong muốn cần được thực hiện để xác định được vấn đề ưu tiên liên quan đến quản lý tài nguyên.

Điều tra khảo sát là phương pháp được sử dụng để thu thập các quan điểm và ý kiến của một nhóm người đóng vai trò như là một chỉ số của các quan điểm của toàn bộ nhóm dân cư mục tiêu. Các cuộc khảo sát có thể được thực hiện với nhiều hình thức khác nhau, như bằng thư, điện thoại, phỏng vấn trực tiếp ở trên đường phố, ở nhà, ở cơ quan, hoặc từ trả lời bản câu hỏi.

Trong phần nghiên cứu này và với điều kiện ở nông thôn huyện Phong Điền, phương pháp khảo sát bằng cách phỏng vấn trực tiếp ở nhà là phù hợp, thuận lợi và tương đối chính xác bằng cách lựa chọn ngẫu nhiên người tham gia phỏng vấn dựa trên các tiêu chí đã xác định trước như đối tượng dân tộc (kinh và dân tộc thiểu số), giới tính (nam và nữ), thành phần (người dân và cán bộ thôn). Phỏng vấn trực tiếp người dân và cán bộ địa phương có ưu điểm là có thể trao đổi thảo luận sâu được những vấn đề, và hiểu được những nguyên nhân, bản chất và khuyến nghị của vấn đề cần điều tra mà người dân và chính quyền đang quan tâm và tìm cách giải quyết. Tuy nhiên, phương pháp này tốn kém về chi phí (đào tạo cán bộ phỏng vấn, nhân lực cho cán bộ phỏng vấn và người tham gia) và thường dừng lại ở mức độ một số lượng người tham gia nhất định để đảm bảo đủ cơ cấu. Hình thức này tương đối phù hợp với các cuộc điều tra về những chủ đề cụ thể, chi tiết, và không nhất thiết phải có toàn bộ người dân tham gia.

b. Mục tiêu

- Xác định được các vấn đề liên quan đến quản lý và bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- Đánh giá được nhận thức và mong muốn của hộ gia đình, cộng đồng và cán bộ quản lý nhà nước về vấn đề căn cơ quan quản lý nhà nước ban hành chính sách giúp cải thiện và quản lý tốt vấn đề mà người dân và chính quyền địa phương quan tâm nhất.
- Xác định được các mong muốn và yêu cầu mà các bên liên quan đề xuất.

c. Vật liệu

- Xây dựng bảng hỏi liên quan đến chủ đề thực hiện.

d. Thành phần tham gia

- Cán bộ phỏng vấn: là những người có kinh nghiệm phỏng vấn. Người phỏng vấn có một số am hiểu nhất định đối với chủ đề mà họ đang khảo sát.
- Người dẫn đường: thông thường là trưởng thôn hoặc cán bộ xã.
- Người được phỏng vấn: là những người được lựa chọn trong danh sách phỏng vấn. Người được phỏng vấn có thể được lựa chọn ngẫu nhiên dựa trên các tiêu chí phân loại như đối tượng dân tộc (kinh và dân tộc thiểu số), giới tính (nam và nữ), thành phần (người dân và cán bộ thôn), trình trạng thu nhập. Trong trường hợp nghiên cứu này, có 60 hộ dân được chọn/ 490 hộ dân của 4 thôn nghiên cứu. Ngoài ra, có 10 cán bộ xã và huyện cũng được phỏng vấn để đối chứng.

e. Nhiệm vụ, tiến trình và phương pháp thực hiện.

- Thiết kế bảng hỏi theo chủ đề đã xác định.
- Phỏng vấn người dân.
- Xử lý số liệu và viết báo cáo khảo sát.

- Báo cáo kết quả khảo sát với cộng đồng, chính quyền địa phương, và Ban quản lý KBTTN Phong Điền.
- Chỉnh sửa báo cáo và gửi đến các cơ quan liên quan như UBND huyện, phòng NN& PTNT, Hạt Kiểm lâm và Ban quản lý KBTTN Phong Điền.

f. Kết quả mong đợi

- Bảng hỏi được thiết kế theo chủ đề đã xác định.
- Lựa chọn số người được phỏng vấn đảm bảo dung lượng mẫu cần thiết.
- Xử lý số liệu và viết báo cáo.
- Báo cáo kết quả khảo sát và đánh giá.

2.1.2. Kết quả đạt được:

- Xác định đúng chủ đề mà địa phương (người dân và cơ quan quản lý nhà nước) cần điều tra để thực hiện xây dựng quy chế/quy định. Trong trường hợp nghiên cứu này, lâm sản ngoài gỗ (LSNG) được người dân và chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm, nhất là song mây.
- Số lượng người được phỏng vấn đảm bảo đúng đối tượng và số lượng yêu cầu. Dự án đã lựa chọn 4 thôn có người dân sống gần rừng trên tổng số 7 thôn của xã. Nhóm nghiên cứu đã lựa chọn ngẫu nhiên người dân được phỏng vấn tại các thôn gần rừng và sử dụng tài nguyên rừng theo các tiêu chí phân loại hộ. Đã tiến hành phỏng vấn 60 hộ gia đình đạt 12,2% tổng số hộ của 4 thôn tham gia phỏng vấn, trong đó có 50% số hộ là người dân tộc thiểu số.
- Báo cáo khảo sát phản ánh đúng kết quả điều tra và có phân tích rõ ràng với các bảng biểu, biểu đồ minh họa.
- Xác định các vấn đề và nội dung mà người dân và chính quyền đề xuất nhằm hỗ trợ tiến trình xây dựng các quy định và chính sách liên quan. Vấn đề người dân và chính quyền quan tâm là thiếu các

quy định cụ thể về quản lý bền vững nguồn tài nguyên LSNG ở khu vực vùng đệm của KBTTN Phong Điền. Các nội dung liên quan đến quy định quản lý bền vững LSNG cũng được xác định như loài/sản phẩm LSNG, số lượng, thời gian, địa điểm được khai thác cũng như vai trò và trách nhiệm quản lý của các bên liên quan. Đặc biệt, việc xác định vai trò của các bên liên quan giúp xác định và định hướng các đối tượng có ảnh hưởng lớn đến việc áp dụng các quy định ở cấp cơ sở.

- Xác định được danh mục các loài LSNG có tại địa phương đang được khai thác và sử dụng nhiều nhất và được xếp loại theo mức đóng góp cho thu nhập cũng như mức độ khai thác, mật độ và nơi phân bố của các loài này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mây và lá nón là hai loại LSNG được người dân khai thác cho mục đích thương mại nhiều nhất. Cụ thể, có 82% và 75% ý kiến của được phỏng vấn đồng ý có khai thác mây và lá nón theo thứ tự. Ngoài ra, mật ong, ớt và gừng cũng được người dân khai thác với tỉ lệ xuất hiện là 54%, 40% và 40% theo thứ tự.

2.2. Bước 2: Tham vấn cộng đồng lần 1 về các quy định

2.2.1. Phương pháp thực hiện

a. Bối cảnh:

Sau khi có báo cáo khảo sát về chủ đề mà địa phương lựa chọn, nhóm tư vấn cần thực hiện xác định nhóm chủ đề mà người dân và chính quyền địa phương quan tâm nhất. Đồng thời, vấn đề này phải phù hợp với năng lực, chuyên môn, và nguồn lực mà nhóm tư vấn có thể hỗ trợ thực hiện.

Tổ chức hội thảo, các cuộc đối thoại trực tiếp với các nhóm lợi ích ở cộng đồng, các tổ chức chính trị xã hội cơ sở và chính quyền địa phương nhằm chuyển tải trực tiếp ý kiến và nguyện vọng của cộng đồng, chuyên gia, nhà quản lý về các vấn đề chính sách hoặc nội dung cần thu thập ý kiến. Đây là phương thức được sử dụng khá phổ biến

ở nông thôn và có tác động tương đối hiệu quả nếu được thúc đẩy, tổ chức, thiết kế và triển khai hợp lý.

Buổi họp cộng đồng cung cấp cho người dân thông tin về một chủ đề và có thể cho phép họ thảo luận và phản hồi các ý kiến đến các chủ đề được bàn. Tùy thuộc vào tính chất của chính sách và đối tượng chính sách cần góp ý (như có tính chuyên môn hay không chuyên môn, tác động xã hội lớn hay nhỏ) và điều kiện liên quan (nguồn kinh phí, mức độ quan tâm của người dân, và thời hạn ban hành chính sách) mà đơn vị tổ chức có thể tổ chức họp cộng đồng, hội thảo hoặc các hoạt động đối thoại thích hợp.

Việc tham vấn cộng đồng giúp người dân, các cấp chính quyền và đoàn thể địa phương tham gia vào tiến trình ra quyết định liên quan đến việc quản lý và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên. Điều này cũng phù hợp với chủ trương của nhà nước với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra”.

b. Mục tiêu

- Xác định các nội dung mà cộng đồng quan tâm.
- Xác định được các tiêu chuẩn kỹ thuật cho quy định từ kiến thức bản địa của cộng đồng địa phương.
- Xác định các yếu tố để tổ chức thực hiện thành công vấn đề quan tâm như: cơ chế tổ chức thực hiện, giám sát đánh giá, báo cáo, và xử lý vi phạm.

c. Vật liệu

- Báo cáo tóm tắt kết quả khảo sát và đánh giá nhận thức
- Giấy Ao, thẻ màu, bút viết bảng.

d. Thành phần tham gia

- Người dân thuộc các nhóm lợi ích khác nhau: người dân khai thác lâm sản ngoài gỗ, người kinh doanh buôn bán, người dân sống tại thôn bản nhưng không tham gia khai thác LSNG.

- Cán bộ thôn và xã: Trưởng thôn và các đại diện các tổ chức chính trị xã hội và nghề nghiệp (nếu có) thôn như Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên và câu lạc bộ khuyến nông, lãnh đạo hoặc đại diện lãnh đạo xã.
- Cán bộ kỹ thuật: cán bộ kiểm lâm địa bàn, cán bộ phụ trách nông lâm nghiệp xã, cán bộ kỹ thuật của hạt kiểm lâm và KBTTN.



Buổi họp tham vấn cộng đồng cho 4 thôn về quy định quản lý LSNG

e. Nhiệm vụ, tiến trình và phương pháp thực hiện

Nhiệm vụ

- Xác định và thảo luận danh mục các loài lâm sản ngoài gỗ có tại khu vực vùng đệm của KBT mà người dân được phép khai thác.
- Xác định và thảo luận các tiêu chí kỹ thuật cho từng loài/ loại LSNG mà người dân được phép khai thác và sử dụng bền vững: số lượng, chất lượng, thời điểm và thời gian, cường độ khai thác cho từng loài LSNG cụ thể.
- Xác định và thảo luận các giải pháp và các bên liên quan đến việc quản lý bền vững nguồn tài nguyên LSNG.

Tiến trình và phương pháp thực hiện

- Bước 2-1- Giới thiệu: Báo cáo viên trình bày tóm tắt báo cáo khảo sát và đánh giá nhận thức về LSNG nhằm giúp người dân nắm được tổng quan và chi tiết các phát hiện từ cuộc khảo sát về quản lý bền vững tài nguyên LSNG. Sau khi kết thúc, thúc đẩy viên cuộc họp đặt câu hỏi cũng như khuyến khích người tham gia đặt câu hỏi để làm rõ hơn các vấn đề.

- Bước 2-2- Chia nhóm thảo luận: Tùy theo số lượng người và đối tượng tham gia cuộc họp mà phân nhóm thảo luận. Cuộc họp được phân ra làm 2 nhóm chính để thảo luận 2 nhóm nội dung.
 - Nhóm 1- Thảo luận về các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan cho các loài lâm sản ngoài gỗ theo mẫu 1.

Bảng 1: Mẫu 1 - Xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật cho mỗi loại LSNG

TT	Tên LSNG	Hiện trạng	Đề xuất giải pháp				
			Tiêu chuẩn khai thác (KT)	Thời gian KT	Số lượng KT	Ai được KT	Ai giám sát
1	Mây (các loại)						
2	Lá nón						
3	Mật ong						
..							

- Nhóm 2- Thảo luận các vấn đề liên quan đến quản lý và thực hiện quy định theo mẫu 2.

Bảng 2: Mẫu 2 - Xác định các vấn đề liên quan đến quản lý và thực hiện quy chế

TT	Nội dung và giải pháp đề xuất	Ai chịu trách nhiệm chính	Các bên liên quan	Công cụ/ chính sách hỗ trợ
	Giám sát thực hiện Quy chế			
	Đánh giá việc thực hiện Quy chế			
	Cơ chế thưởng phạt			
	Các chi phí quản lý			
	Các hình thức tuyên truyền vận động			

- Phương pháp thảo luận: thúc đẩy viên mỗi nhóm mời các thành viên tham gia đóng góp các ý kiến. Các ý kiến được viết lên thẻ màu theo các nội dung đã chuẩn bị ở bảng. Thành viên khác của nhóm có nhiệm vụ ghi chép và tư liệu hóa lại kết quả thảo luận.
- Bước 2-3- Trình bày kết quả thảo luận nhóm: Mỗi nhóm sẽ cử một đại diện lên trình bày trước toàn thể người tham gia. Các đại biểu tham gia thảo luận và đóng góp thêm các ý kiến khác cho các nhóm nhằm hoàn thiện hơn các nội dung đã được các nhóm chuẩn bị. Kết quả cuối cùng được tư liệu hóa làm căn cứ để xây dựng quy định.

f. Kết quả mong đợi

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến khai thác bền vững LSNG được xác định theo kiến thức và mong muốn của người dân địa phương.
- Các giải pháp liên quan giúp quy định được thực thi có sự tham gia của cộng đồng.

2.2.2. Kết quả đạt được:

- Danh mục các loại LSNG cùng với các tiêu chuẩn kỹ thuật cho khai thác; thời gian, số lượng và cường độ khai thác; đối tượng được tham gia khai thác đã được xây dựng (Xem bảng cuối Phụ lục 3).
- Các quy định liên quan đến giám sát và đánh giá, cơ chế thưởng phạt, các chi phí quản lý, và các hình thức tuyên truyền nhằm giúp thực hiện tốt quy định đã được biên soạn. Đặc biệt là vai trò và trách nhiệm của mỗi bên liên quan mà người dân và chính quyền cơ sở nhận thấy phù hợp và hiệu quả (Xem Phụ lục 1).
- Các kiến nghị của người dân và cán bộ chính quyền cơ sở liên quan đến quy định như quy định cần rõ ràng, ngắn gọn và chi tiết và các quy định cần có tính khả thi và dễ áp dụng.

2.3. Bước 3: Tham vấn các cơ quan quản lý Nhà nước về nội dung và cơ sở pháp lý liên quan đến quy định/quy chế.

2.3.1. Phương pháp thực hiện:

a. Bối cảnh:

Các văn bản pháp luật về quản lý tài nguyên rừng đã được nhà nước ban hành và hướng dẫn thực hiện. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn dưới quyết định của các bộ chủ quản như Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài Nguyên và Môi trường vẫn còn chung chung và chủ yếu tập trung cho cây gỗ như quyết định 40/2005 ngày 07/7/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế quản lý khai thác gỗ và LSNG. Các quy định về khai thác LSNG ít được thực thi ở cấp cơ sở.

Mặt khác, mỗi địa phương cấp huyện và xã có những quy định khác nhau trong quản lý và khai thác LSNG. Thông qua kết quả khảo sát, người dân hầu như không nắm được các quy định vì cơ quan quản lý không tuyên truyền hoặc không có quy định cụ thể do là “lâm sản phụ”. Vì vậy, tham vấn các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là Hạt Kiểm Lâm, phòng NN&PTNT, Chi cục thuế và UBND xã về các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý LSNG là cần thiết nhằm giúp nắm rõ hiện trạng và thừa kế các văn bản pháp luật này.

b. Mục tiêu

- Xác định các văn bản pháp luật đang còn hiệu lực áp dụng cho việc quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển LSNG.
- Xác định các quy định, quy chế, các văn bản hướng dẫn, chỉ thị của các cấp chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn như Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kiểm lâm, Thuế, Công an, Công thương và Quản lý thị trường liên quan đến quản lý, bảo vệ, phát triển, khai thác, vận chuyển và chế biến LSNG.

c. Vật liệu

- Danh sách các văn bản luật và dưới luật liên quan đến LSNG (Xem phụ lục 2).

d. Thành phần tham gia

- Cấp tỉnh và cấp huyện: Các sở và ban ngành liên quan như Sở NN&PTNT, Chi cục kiểm lâm, Hạt kiểm lâm huyện và KBTTN Phong Điền, Phòng NN&PTNT.
- Cấp xã: cán bộ nông lâm nghiệp xã và kiểm lâm địa bàn.

e. Nhiệm vụ, tiến trình và phương pháp thực hiện

Nhiệm vụ

- Xác định tất cả các văn bản pháp luật (luật, nghị định, thông tư, quyết định, chỉ thị) ở cấp trung ương, và các quyết định, công văn, chỉ thị, quy ước/hương ước của các cấp chính quyền địa phương và cộng đồng liên quan đến LSNG.
- Liệt kê và phân loại các loại văn bản pháp luật để tra cứu.

Tiến trình thực hiện và phương pháp

- Bước 3-1: Sử dụng công cụ Internet để tìm kiếm và tra cứu các văn bản liên quan đến LSNG của tất cả các cấp chính quyền và các đơn vị nghiên cứu liên quan đến LSNG.
- Bước 3-2: Liệt kê và phân loại văn bản theo các cấp ban hành và nội dung văn bản.
- Bước 3-3: Liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước liên quan và các cộng đồng quản lý rừng để tìm hiểu các thông tin liên quan đến quản lý, bảo vệ, phát triển, khai thác, vận chuyển và chế biến LSNG.

2.3.2 Kết quả đạt được:

- Lập danh sách các văn bản pháp luật và văn bản liên quan đến quản lý, bảo vệ, phát triển, khai thác, vận chuyển và chế biến LSNG.
- Các văn bản (bằng giấy hoặc file điện tử) được thu thập và sắp xếp theo cấp ban hành và thời gian liên quan đến LSNG (Xem phụ lục 2).

2.4. Bước 4: Xử lý số liệu và soạn thảo bản thảo quy định

2.4.1. Phương pháp thực hiện:

a. Bối cảnh:

Có nhiều văn bản pháp luật quy định liên quan đến LSNG đã được ban hành và áp dụng. Mặt khác, một số văn bản pháp luật tuy được ban hành nhưng không được áp dụng trên thực tế do không còn phù hợp với thực tế khách quan của cuộc sống. Đồng thời, một số quy định của chính quyền địa phương và cộng đồng đã được áp dụng trên thực tế đang có hiệu lực thi hành ở địa bàn nghiên cứu hoặc ở địa phương khác nhưng chưa được tổng kết, đánh giá về hiệu quả. Tất cả các văn bản này rất bổ ích cho việc soạn thảo các văn bản liên quan.

Các quy định về ban hành văn bản pháp luật cũng như khuôn mẫu của các văn bản pháp luật tương tự cũng cần được tìm hiểu và áp dụng để giúp nhóm công tác soạn thảo văn bản soạn thảo đúng quy định và nắm được các trình tự ban hành. Điều này sẽ giúp việc soạn thảo dự thảo quy định được nhanh chóng và đúng trình tự.

Đặc biệt, các nội dung của các cuộc tham vấn cộng đồng cũng được sử dụng và đối chiếu với các quy định hiện hành liên quan. Ngoài ra, các kiến thức bản địa cũng cần được lưu ý và xem xét đưa vào các quy định nếu không trái với pháp luật.

b. Mục tiêu

- Xác định được các văn bản pháp lý liên quan để làm căn cứ soạn thảo.

- Xác định được nội dung và cấu trúc của quy định
- Xây dựng được bản thảo quy định theo khuôn mẫu do nhà nước quy định.

c. Vật liệu

- Các văn bản pháp luật, quy định và hương ước liên quan đến LSNG.
- Báo cáo đánh giá nhận thức và nhu cầu xây dựng quy định (của bước 1)
- Kết quả tham vấn từ cộng đồng và cơ quan quản lý nhà nước (của bước 2 và 3)

d. Thành phần tham gia

- Các thành viên của tổ công tác soạn thảo: Ban quản lý KBTTN Phong Điền, Hạt kiểm lâm, CORENARM, Phòng Nông nghiệp và PTNT.

e. Nhiệm vụ, tiến trình và phương pháp thực hiện

Nhiệm vụ:

- Xử lý số liệu tham vấn và các nội dung liên quan ở các văn bản quy phạm và pháp luật.
- Soạn thảo bản thảo của quy định

Phương pháp thực hiện:

- Nghiên cứu các văn bản pháp luật, các quy định và hương ước của các cộng đồng liên quan đến LSNG. Tổng hợp các nội dung từ các văn bản pháp luật và quy định của các cấp chính quyền và các kết quả từ tham vấn cộng đồng để xây dựng dự thảo.
- Các bước thực hiện:
 - Bước 4-1: Xây dựng khung văn bản của quy định theo các mẫu văn bản đã có sẵn, phân công trách nhiệm mỗi thành viên phụ trách các phần theo khả năng của mỗi thành viên.

- Bước 4-2: Tìm kiếm và tổng hợp nội dung liên quan đến từng chương và điều của quy định. Sau đó mỗi thành viên viết nội dung chi tiết cho từng chương, từng điều của quy định.
- Bước 4-3: Tổng hợp và gửi cho tất cả các thành viên nhóm công tác và các cộng tác viên để đọc và phản hồi ý kiến cho văn bản.
- Bước 4-4: tổng hợp tất cả các ý kiến và chỉnh sửa để hoàn thành bản thảo lần 1.

2.4.2. Kết quả đạt được:

- Bảng tổng hợp các văn bản pháp luật và quy định liên quan đến LSNG của nhà nước và cộng đồng.
- Kết quả tham vấn cộng đồng được sử dụng để tham khảo và bổ sung cho quy định.
- Bản dự thảo quy định lần 1 được các góp ý và tổng hợp từ các văn bản của nhà nước và các kiến thức bản địa từ kết quả tham vấn và các hương ước quản lý rừng của cộng đồng.

2.5. Bước 5: Tham vấn người dân và chính quyền địa phương (thôn và xã) về các nội dung của quy định

2.5.1. Phương pháp thực hiện:

a. Bối cảnh:

Các quy định được soạn thảo dựa trên các kiến thức và kỹ năng của nhóm công tác. Do đó, một số vấn đề trong quy định có thể chưa phù hợp với địa phương, hoặc các nội dung và giải pháp có thể thiếu tính thực tiễn mặc dù đã sử dụng các tài liệu tham vấn từ cộng đồng. Vì vậy, đại diện người dân và chính quyền cơ sở sẽ giúp phát hiện ra vấn đề bất hợp lý và thiếu tính khả thi. Điều quan trọng hơn là giúp lôi kéo người dân và chính quyền cơ sở vào tiến trình ra quyết định liên quan đến quyền lợi và trách nhiệm của họ sau này khi đưa quy định vào áp dụng.

Vận động chính sách ở giai đoạn xây dựng cơ chế và chính sách thực chất là việc đề xuất sáng kiến về chính sách, pháp luật và thuyết phục các cơ quan có thẩm quyền chấp nhận chính sách này và xây dựng văn bản pháp luật tương ứng, có thể xây dựng văn bản mới hoặc sửa đổi văn bản đang có hiệu lực cho phù hợp với thực tế.

b. Mục tiêu

- Thảo luận và xác định các nội dung, bố cục của dự thảo quy định liên quan đến các căn cứ pháp luật, quy trình kỹ thuật, vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các bên liên quan.

c. Vật liệu

- Bản thảo của quy định, giấy A0, bút viết bảng, và thẻ màu.
- Lưu ý, để tăng tính hiệu quả của buổi tham vấn và đại biểu nghiên cứu kỹ văn bản, bản thảo của quy định cần phải được gửi trước cho các đại biểu cùng với thư mời tham vấn trước 1 tuần tổ chức hội thảo tham vấn.

d. Thành phần tham gia

- Đại diện người dân ở thôn là trưởng thôn và các đại diện của các tổ chức chính trị xã hội cấp thôn như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh.
- Đại diện chính quyền xã như cán bộ nông lâm nghiệp, cán bộ tư pháp, kiểm lâm địa bàn và lãnh đạo xã, cùng với đại diện các tổ chức chính trị xã hội cấp xã.
- Đại diện của Hạt kiểm lâm, Phòng NN&PTNT, Văn phòng UBND huyện.
- Chú ý: Trong giai đoạn này, các đại diện cấp huyện cần được mời tham gia để nắm bắt nguyện vọng của người dân và chính quyền cấp xã cũng như giám sát tiến trình tham vấn. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các bước vận động hành lang, thẩm định, phê duyệt, ban hành và giám sát các quy định sau này.

e. Nhiệm vụ, tiến trình và phương pháp thực hiện

Nhiệm vụ:

- Trình bày kết quả khảo sát nhằm giúp đại biểu nắm được bối cảnh và sự cần thiết của việc tham vấn và ban hành quy định.
- Thảo luận các nội dung ở bản thảo quy định

Tiến trình và phương pháp thực hiện:

- Bước 5-1- Báo cáo tổng quan bối cảnh: Báo cáo viên báo cáo nhanh và tổng quan kết quả tham vấn cộng đồng và kết quả điều tra nhận thức về LSNG nhằm giúp các đại biểu hiểu rõ hơn bối cảnh của việc tổ chức tham vấn chính sách.
- Bước 5-2- Báo cáo nội dung của Quy định: Đại diện tổ soạn thảo quy định báo cáo quy trình và nội dung của quy định. Trong bước này, các nội dung và ý nghĩa của từng chương, từng điều khoản và từng định nghĩa/ khái niệm được giải thích rõ.
- Bước 5-3- Tổ chức thảo luận: Tổ chức thảo luận toàn thể về từng nội dung trong quy định. Tất cả ý kiến đóng góp đều được ghi chép và đưa vào biên bản của hội thảo nhằm làm cơ sở để sửa đổi các nội dung trong quy định. Trong bước này, nhóm tư vấn soạn thảo có trách nhiệm giải thích rõ các nội dung chưa rõ ràng và ghi nhận các điểm yếu và thiếu sót của quy định để sửa chữa sau này.
 - Để tiến trình hội thảo được tập trung và thảo luận sâu, người điều hành cần yêu cầu đại biểu nên phát biểu tập trung và không lặp lại các ý mà các đại biểu đã phát biểu và thảo luận.
 - Tất cả các ý kiến đều được ghi nhận và tạo không khí trao đổi thẳng thắn giữa các đại biểu.
 - Tất cả các đại biểu và ý kiến của họ đều có vai trò quan trọng như nhau, không phân biệt giới tính, dân tộc và thành phần/ vị trí công tác của đại biểu.
 - Bước 5-4 – Kết luận các nội dung thảo luận: Người thúc đẩy hội thảo tổng kết các ý kiến của các đại biểu. Đối với các nội

dung đã rõ ràng thì được thông qua. Đối với những nội dung còn chưa rõ ràng hoặc còn thiếu thì yêu cầu nhóm soạn thảo quy định bổ sung hoàn chỉnh theo kết quả thảo luận và ý kiến của đại biểu tham gia.

2.5.2. Kết quả đạt được:

- Bản thảo lần 1 của quy định đã được các đại biểu tham gia góp ý kiến. Tất cả các ý kiến của các đại biểu đều được ghi chép. Ví dụ, quy định trường thôn và tổ tuần tra cộng đồng tham gia giám sát và thực hiện quy chế thì chế độ phụ cấp ai trả, nguồn chi trả ở đâu. Ví dụ khác là cơ chế thu phí giấy phép khai thác của người dân như thế nào, ai chịu trách nhiệm thu và quản lý, ai cấp phép cho người dân (Kiểm lâm địa bàn, UBND xã, Hạt kiểm lâm, BQL Rừng phòng hộ hoặc UBND huyện), đặc biệt là rừng của các ban quản lý rừng.
- Các ý kiến trái chiều, các nội dung còn thiếu hoặc chưa hoàn chỉnh đã được thảo luận công khai. Sau khi kết thúc hội thảo, các ý kiến đã được thống nhất hoặc được tiếp thu và bổ sung sau. Ví dụ, quyền hạn và trách nhiệm của tổ tuần tra cộng đồng, quyền tạm giữ hay áp giải người và tang vật vi phạm, quyền lợi của nhóm tuần tra và người dân khi tham gia bảo vệ và thực hiện quy chế nếu xảy ra tai nạn.
- Nhóm công tác soạn thảo có trách nhiệm tiếp thu tất cả các ý kiến để sửa đổi và bổ sung bản thảo lần 1 để tổ chức hội thảo lần 2 về quy định ở cấp huyện.

2.6. Bước 6: Tham vấn lãnh đạo các cơ quan liên quan và chính quyền (xã, huyện và tỉnh) về nội dung các quy định

2.6.1. Phương pháp thực hiện:

a. Bối cảnh:

Sau khi hội thảo tham vấn cấp xã kết thúc, các ý kiến của người dân và các ban ngành cấp xã đã được nhóm công tác tiếp thu, chỉnh sửa và

đưa vào Bản dự thảo quy định lần thứ 2. Bản dự thảo lần thứ 2 được sử dụng cho hội thảo tham vấn lãnh đạo.

Đại diện của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan như cơ quan soạn thảo, thẩm định, thẩm tra trong trường hợp ban hành văn bản mới; các cơ quan quản lý liên quan trong trường hợp phản ánh bất cập của chính sách và pháp luật đóng vai trò quan trọng đối với hiệu quả của hoạt động góp ý kiến. Việc lấy ý kiến của các ban ngành liên quan cũng như cán bộ lãnh đạo rất quan trọng vì giúp họ hiểu và nắm được các mục đích, mục tiêu và nội dung của dự thảo. Nhóm đối tượng này tiếp nhận trực tiếp các góp ý tại hội thảo, trao đổi phản hồi và thu hút sự quan tâm của các thành phần khác của hội thảo.

Thông qua hội thảo tham vấn, các nội dung của dự thảo được góp ý chính sửa chính xác hơn phù hợp với các nguyên tắc quản lý nhà nước, và phù hợp với thực tế quản lý ở địa phương. Đồng thời, sự tham gia của các ban ngành các cấp từ giai đoạn đầu sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho tiến trình vận động hành lang và phê duyệt quy định.

b. Mục tiêu

- Tham vấn ý kiến của các chuyên gia và lãnh đạo liên quan đến quy định với các chủ đề sau:
 - Các căn cứ pháp luật và nhu cầu để xây dựng quy định
 - Các nội dung liên quan đến mục đích, mục tiêu, đối tượng, phạm vi và nguyên tắc áp dụng.
 - Các nội dung liên quan đến các tiêu chuẩn kỹ thuật, quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan, cơ chế quản lý, giám sát và xử phạt, và trách nhiệm thi hành cho quản lý và khai thác bền vững LSNG.

c. Vật liệu

- Bản thảo lần 2 quy định về LSNG.
- Giấy A0, thẻ màu và bút viết bảng.

d. Thành phần tham gia

- Điều hành và thúc đẩy hội thảo: BQL KBTTN Phong Điền.
- Hỗ trợ kỹ thuật: Trung tâm CORENARM và nhóm công tác soạn thảo quy định
- Cấp tỉnh: Đại diện lãnh đạo các đơn vị như Sở NN & PTNT, Sở TN&MT, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Lâm nghiệp. Đồng thời, các trưởng phòng chuyên môn của chi cục kiểm lâm phụ trách các mảng bảo tồn tài nguyên, thanh tra và pháp chế, và quản lý bảo vệ rừng cũng được mời tham gia. Ngoài ra, có đại diện của các dự án và tổ chức có liên quan, như Dự án mây bền vững của WWF, cùng tham dự.
- Cấp huyện: Đại diện UBND huyện và các phòng chức năng của huyện như NN&PTNT, TN&MT, và Tư pháp.
- Cấp xã: Lãnh đạo, cán bộ kiểm lâm địa bàn và cán bộ nông lâm nghiệp của 3 xã vùng đệm thuộc huyện Phong Điền như Phong Mỹ, Phong Xuân và Phong Sơn.
- Đại diện lãnh đạo và phòng pháp chế của các Hạt kiểm lâm và Khu bảo tồn có liên quan đến vùng đệm của các huyện như Phong Điền, Hương Trà, A Lưới, KBTTN Phong Điền.
- Đại diện lãnh đạo của các chủ rừng có liên quan ở khu vực vùng đệm liên quan như BQL rừng phòng hộ sông Bồ và Công ty Lâm nghiệp Phong Điền.



Hội thảo tham vấn lãnh đạo các ban ngành liên quan thảo luận quy định quản lý LSNG

e. Nhiệm vụ, tiến trình và phương pháp thực hiện

Nhiệm vụ

- Trình bày kết quả khảo sát nhằm giúp đại biểu nắm được bối cảnh và sự cần thiết của việc tham vấn và ban hành quy định.
- Thảo luận và lấy ý kiến các nội dung ở bản thảo quy định.
- Xác định cấp ban hành văn bản.

Tiến trình và phương pháp thực hiện

- Bước 6-1- Báo cáo tổng quan bối cảnh: Báo cáo viên báo cáo nhanh và tổng quan kết quả tham vấn cộng đồng và kết quả điều tra nhận thức về LSNG nhằm giúp các đại biểu hiểu rõ hơn bối cảnh của việc tổ chức tham vấn chính sách. Bước này làm tương tự như ở cấp xã. Nhưng đối với cấp huyện, cần phân tích và mô tả rõ hơn về nhu cầu và tính cấp thiết của việc xây dựng quy định và sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng quy định.
- Bước 6-2- Báo cáo nội dung của Quy định: Đại diện tổ soạn thảo quy định báo cáo quy trình và nội dung của quy định. Trong bước này, Các nội dung và ý nghĩa của từng chương, từng điều khoản và từng định nghĩa/ khái niệm được giải thích rõ.
- Bước 6-3- Tổ chức thảo luận: Tổ chức thảo luận toàn thể về từng nội dung trong quy định. Tất cả ý kiến đóng góp đều được ghi chép và đưa vào biên bản của hội thảo nhằm làm cơ sở để sửa đổi các nội dung trong quy định. Trong bước này, nhóm tư vấn soạn thảo có trách nhiệm giải thích rõ các nội dung chưa rõ ràng và ghi nhận các điểm yếu và thiếu sót của quy định để sửa chữa sau này.
 - Các đại biểu thảo luận từng chương, từng điều cụ thể và đưa ra được các điểm chưa rõ ràng hoặc còn thiếu. Các ý kiến của từng đại biểu được ghi chép. Tổ soạn thảo có trách nhiệm giải trình để làm rõ hơn các ý kiến hoặc tiếp thu các ý kiến để chỉnh sửa sau này.

- Để tiến trình hội thảo được tập trung và thảo luận sâu, người điều hành cần yêu cầu đại biểu phát biểu tập trung và không lặp lại các ý mà các đại biểu đã phát biểu và thảo luận.
- Tất cả các ý kiến đều được ghi nhận và tạo không khí trao đổi thẳng thắn giữa các đại biểu.
- Tất cả các đại biểu và ý kiến của họ đều có vai trò quan trọng như nhau, không phân biệt giới tính, dân tộc và thành phần/ vị trí công tác của đại biểu.
- Bước 4 – Kết luận các nội dung thảo luận: Người thúc đẩy hội thảo tổng kết các ý kiến của các đại biểu. Đối với các nội dung đã rõ ràng thì được thông qua. Đối với những nội dung còn chưa rõ ràng hoặc còn thiếu thì yêu cầu nhóm soạn thảo quy định bổ sung hoàn chỉnh theo kết quả thảo luận và ý kiến của đại biểu tham gia.
- Bước 5- Chỉnh sửa bản thảo quy định: tổ soạn thảo có trách nhiệm chỉnh sửa và bổ sung lại bản thảo lần 2 dựa trên các ý kiến góp ý từ hội thảo tham vấn lãnh đạo.

2.6.2. Kết quả đạt được:

- Biên bản ghi chép các ý kiến đóng góp chi tiết cho bản dự thảo nội quy. Các ý kiến này bao gồm các phản hồi của nhóm công tác và ý kiến đề nghị của các đại biểu.
- Một số ý kiến đóng góp của đại biểu như sau:
 - Chức năng, quyền hạn của các đơn vị tham gia quản lý quy chế cần được làm rõ, như BQL thôn, trưởng thôn, UBND xã.
 - Hạn chế các thủ tục, giấy tờ đối với người khai thác LSNG nhằm giúp cộng đồng dễ dàng thực hiện đúng quy định.
 - Ai sẽ cấp giấy phép cho người dân đối với rừng không thuộc UBND xã quản lý?
 - Tên gọi của văn bản này nên để ở mức độ “quy định” chứ không nên gọi là “quy chế” và chỉ áp dụng thí điểm tại xã Phong Mỹ trước khi nhân rộng.

- Tên gọi của quy chế và quyết định thực hiện quy chế chưa thống nhất với nhau.
- Chức năng, quyền hạn của UBND xã có được ban hành quy định hay UBND huyện mới có thẩm quyền ban hành quy định?
- Xem xét lại các quy định xử phạt người vi phạm có đúng với chức năng, nhiệm vụ của ban đại diện giám sát quy chế?
- Khuyến nghị từ đại biểu: do thời gian thực hiện dự án ngắn và rừng tự nhiên trên khu vực vùng đệm do nhiều chủ rừng thuộc các thành phần kinh tế và xã hội khác nhau, văn bản pháp luật này nên:
 - Chuyển từ cấp quy chế (do UBND huyện hoặc tỉnh ban hành) xuống cấp quyết định (do UBND xã hoặc huyện ban hành).
 - Đối tượng rừng tự nhiên được áp dụng: nên áp dụng thử nghiệm cho rừng tự nhiên có chủ rừng thuộc trách nhiệm của UBND xã như rừng thuộc chủ rừng là UBND xã, các cộng đồng thôn bản, các tổ chức xã hội và các cá nhân/ hộ gia đình.
 - Cấp ban hành: UBND xã hoặc UBND huyện
- Bản dự thảo lần 3 được hoàn thành dựa trên kết quả từ hội thảo tham vấn.

2.7. Bước 7: Vận động hành lang để ban hành quy định

2.7.1. Phương pháp thực hiện:

a. Bối cảnh:

Sau hội thảo tham vấn lãnh đạo lần 2, bản thảo quy định lần 3 đã được hình thành. Tuy nhiên, việc thẩm định và ban hành quy định cần phải tuân theo các trình tự ban hành văn bản pháp luật đã được quy định. Nhằm giúp các cơ quan quản lý nhà nước nắm rõ hơn các nội dung của quy định, việc vận động hành lang là cần thiết để thúc đẩy tiến trình thẩm định và ban hành quy định.

Trong quá trình tham vấn lãnh đạo, các bên liên quan quan trọng bao gồm các cá nhân quyết định trong tiến trình ban hành chính sách có thể

không tham gia vào các bước hoặc chưa nắm rõ nội dung của chính sách. Do đó, việc ban hành chính sách cần nhiều thời gian để thẩm định và giải trình. Do đó, vận động hành lang trong giai đoạn này nhằm làm rõ hơn các vấn đề thông qua các mối quan hệ giữa các cơ quan và các cá nhân cùng mối quan tâm hoặc trách nhiệm. Vì vậy, tổ soạn thảo cần cung cấp thêm các thông tin cần thiết cho các chuyên viên và các nhà lãnh đạo liên quan đến tiến trình ra quyết định. Điều này giúp họ nắm rõ và hiểu hơn các nội dung của quy định, và tiến trình phê duyệt và ban hành quy định được thuận lợi hơn.

Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng Nhân dân và UBND đã được Quốc hội ban hành ngày 14/12/2004. Luật này đã quy định cụ thể các nội dung và trình tự thủ tục ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mà HĐND và UBND các cấp có thể ban hành theo thẩm quyền đã được quy định. Căn cứ trên luật và các văn bản hướng dẫn của luật này, việc xác định các bên liên quan và trình tự thủ tục ban hành cần được quan tâm xác định đúng. Điều này nhằm giúp việc vận động hành lang chọn đúng đối tượng và tác động vào các khâu quan trọng trong tiến trình thẩm định và ra quyết định của các cơ quan có thẩm quyền.

Hộp 2: Nấc thang của các nhu cầu vận động hành lang

Nhu cầu được biết: Nhu cầu được biết là nhu cầu quan trọng nhất của một tổ chức xã hội và là mức độ cơ bản nhất của sự tham gia của các tổ chức này vào các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Có thể thoả mãn nhu cầu này thông qua giám sát thụ động (tức là đảm bảo rằng các tổ chức xã hội được biết về tất cả những việc đã xảy ra) hoặc thông qua hình thức cảnh báo sớm (tức là đảm bảo rằng các tổ chức này được biết trước các kế hoạch hoặc hoạt động liên quan đến chính sách có thể ảnh hưởng đến các lĩnh vực quan tâm hoặc phạm vi quản lý của họ).

Nhu cầu được thông tin: Nhu cầu được thông tin liên quan đến việc các tổ chức xã hội xây dựng mối quan hệ tin cậy với các cán bộ chính phủ sao cho họ sẵn sàng sử dụng những tổ chức này như là nguồn thông tin cần thiết mỗi khi cần xây dựng các chính sách liên quan. Muốn đạt được nấc thang này đòi hỏi các tổ chức xã hội phải quen biết cũng như được biết đến bởi những nhà hoạch định chính sách, những người chịu trách nhiệm xây dựng dự thảo, nghiên cứu, chỉnh sửa, và ban hành các chính sách trong lĩnh vực liên quan.

Nhu cầu được đàm phán: Nhu cầu được đàm phán là một mức cao hơn của sự tham gia cũng như của mối quan hệ giữa các tổ chức xã hội và cơ quan nhà nước, thể hiện ở việc các tổ chức xã hội có đại diện ở những cơ quan quyền lực nơi có những chính sách cần được chỉnh sửa. Phần lớn các vấn đề liên quan đến chính phủ đều được giải quyết thông qua đàm phán, dĩ nhiên cần phải được hậu thuẫn bởi các luận cứ chứng cứ thu thập được thông qua nghiên cứu nghiêm túc, hoặc đôi lúc nếu cần cũng có thể viện đến những ảnh hưởng ở bên ngoài, ví dụ như truyền thông đại chúng (báo, truyền hình) hoặc tham vấn cộng đồng.

Nguồn: Daniel S. & Ingie H., 2004 ; p.58.

b. Mục tiêu

- Xác định các bên liên quan và những “người liên lạc” trong các bên liên quan đó.
- Làm rõ hơn các mục tiêu và nội dung của quy định cho các cán bộ và các đơn vị có liên quan.
- Giải thích, thuyết phục và thúc đẩy tiến trình phê duyệt quy định đạt thời gian quy định.

c. Vật liệu

- Bản dự thảo quy định lần 3.

- Danh sách các văn bản pháp luật liên quan đến quy định về quản lý LSNG.

d. Người tham gia

- Tổ soạn thảo, phòng NN&PTNT, phòng Tư pháp, UBND huyện

e. Tiến trình thực hiện và phương pháp

- Bước 7-1- xác định nhóm liên lạc thuộc các cơ quan liên quan trong quá trình phê duyệt: Việc ban hành các quy định tuân theo một trình tự nhất định với sự tham gia của nhiều cơ quan liên quan. Trong việc ban hành quy định về quản lý tài nguyên LSNG liên quan đến phòng Tư pháp, Hạt Kiểm lâm, phòng NN và PTNT, phòng TN&MT, và văn phòng UBND huyện.
- Bước 7-2- tổ chức các cuộc họp để cung cấp các thông tin và giải trình: Tổ công tác liên hệ với các bên liên quan để tổ chức các cuộc gặp riêng rẽ hoặc liên ngành nhằm cung cấp thêm thông tin và giải trình các nội dung trong quy định. Sau khi có ý kiến của tất cả các bên về nội dung của bản thảo quy định lần 3, tổ công tác tiếp tục chỉnh sửa nội dung bản thảo lần 4.
- Bước 7-3- thẩm định lần cuối bản thảo quy định: Căn cứ biên bản họp, UBND huyện có văn bản yêu cầu các đơn vị chuyên môn cấp huyện thẩm định lại các nội dung liên quan đến chức năng nhiệm vụ của mỗi đơn vị đang quản lý. Ví dụ, Phòng Tư pháp xem xét tính pháp lý, các văn bản pháp luật liên quan và thẩm quyền ban hành của quy định. Các phòng NN&PTNT, TN&MT, Kiểm lâm thẩm định các nội dung liên quan đến kỹ thuật có trong văn bản. Các đơn vị này trả lời bằng văn bản đến UBND huyện với các nội dung đã được phân công thẩm định.

2.7.2. *Kết quả cần đạt được:*

- Biên bản các cuộc họp bàn về các nội dung của quy định.

- Thống nhất các nội dung và hình thức của văn bản đề trình UBND huyện xem xét.
- Văn bản thẩm định của các phòng chức năng cấp huyện liên quan đến quy định.

2.8. Bước 8: Ban hành quy định và tổ chức thực hiện

2.8.1. Phương pháp thực hiện:

a. Bối cảnh:

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND (luật số 31/2004/QH11 của Quốc hội nước CHX-HCN Việt Nam ngày 14/12/2004), UBND huyện và UBND xã có quyền ban hành quyết định liên quan đến nông lâm nghiệp trên địa bàn huyện quản lý. Do đó, việc UBND huyện hoặc xã ban hành Quy định về Quản lý bền vững LSNG tại xã Phong Mỹ là phù hợp và đúng với Luật đã được quy định.

Trình tự thủ tục về việc ban hành quyết định, chỉ thị của UBND huyện và xã đã được quy định chi tiết tại luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND. Các bước vận động hành lang đã mô tả ở bước 7 đã thực hiện tuân thủ theo quy định của luật này.

Trong trường hợp nghiên cứu và thử nghiệm này, diện tích rừng tự nhiên ở khu vực vùng đệm theo địa giới hành chính của xã Phong Mỹ do nhiều chủ rừng khác nhau quản lý như UBND xã, cộng đồng thôn bản, BQL KBTTPĐ, BQL rừng phòng hộ Sông Bò, Công ty cổ phần 1-5 và Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Phong Điền. Với mức độ thử nghiệm ban đầu và rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng, các cơ quan chức năng huyện đề nghị nên ban hành ở cấp xã cho các đối tượng rừng thuộc cấp UBND xã quản lý.

b. Mục tiêu

- Ban hành quyết định áp dụng quy định về quản lý bền vững nguồn tài nguyên LSNG.

- Tổ chức giới thiệu và tuyên truyền quy định quản lý bền vững tài nguyên LSNG đến tận cán bộ và người dân địa phương.

c. Vật liệu

- Đối với việc ban hành quy định:
 - Bản thảo quyết định ban hành quy định của UBND xã
 - Bản quy định đã được các bên thẩm định.
 - Văn bản thẩm định của các cơ quan chức năng: phòng Tư pháp, Kiểm lâm, NN&PTNT, và TN&MT.
- Đối với việc tổ chức thực hiện:
 - Quyết định ban hành Quy định kèm theo.
 - Tờ rơi tóm tắt các điểm chính của quy định

d. Người tham gia

- Đối với tiến trình ra quyết định: UBND xã Phong Mỹ ra quyết định ban hành Quy định quản lý LSNG trên địa bàn xã Phong Mỹ. Các đơn vị hỗ trợ và thẩm định là phòng Tư pháp, Tổ soạn thảo, phòng NN&PTNT, Hạt Kiểm lâm, và phòng TN&MT.
- Đối với hoạt động tổ chức thực hiện: UBND xã Phong Mỹ, Hạt Kiểm lâm (huyện và khu bảo tồn), phòng NN&PTNT, và các tổ chức quần chúng và đoàn thể ở xã và thôn. Nhóm tuyên truyền quy định bao gồm cán bộ hạt kiểm lâm Phong Điền, cán bộ KBT, cán bộ kiểm lâm địa bàn xã và đại diện lãnh đạo xã.

e. Tiến trình thực hiện và phương pháp

- Đối với tiến trình phê duyệt: Sau khi nhận được các văn bản thẩm định và ý kiến đồng ý của các phòng ban chức năng như UBND huyện, Tư pháp, NN&PTNT, TN&MT, và Kiểm lâm, UBND xã Phong Mỹ đã ra quyết định ban hành quy định. Tiến trình phê duyệt tuân theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2004.

- Đối với việc tổ chức thực hiện:
 - Đối với cán bộ quản lý nhà nước và các đơn vị liên quan cấp xã và huyện: tổ chức các buổi họp để phổ biến nội dung của quy định, đặc biệt là cấp xã. Tại các buổi họp này, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của các bên liên quan được phân tích và giải thích rõ ràng.
 - Đối với người dân: tổ chức các cuộc họp ở cấp thôn/ bản với sự tham gia của các hộ gia đình và các đoàn thể ở thôn bản. Nhóm tuyên truyền có trách nhiệm cung cấp các tài liệu tóm tắt quy định và giải thích chi tiết các điểm trong quy định liên quan đến người dân, đặc biệt nhấn mạnh đến quyền lợi và trách nhiệm của mỗi cá nhân và hộ gia đình. Thông qua cuộc họp, các vấn đề liên quan được nhóm tuyên truyền giải đáp tất cả các thắc mắc của người dân và các bên liên quan.

2.8.2. Kết quả đạt được:

- Quyết định của UBND xã Phong Mỹ về việc ban hành Quy định cộng đồng tham gia quản lý, khai thác, sử dụng LSNG tại vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Phong điền thuộc xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền. Chi tiết của văn bản ban hành quyết định và quy định kèm theo được trình bày ở Phụ lục 3.
- Tổ chức tối thiểu 2 đợt tuyên truyền quy định ở 2 cấp khác nhau:
 - Cấp huyện và xã cho các cán bộ nông cốt có liên quan.
 - Cấp thôn: tổ chức các cuộc họp thôn với sự tham gia của đại diện các hộ gia đình trong thôn cùng các tổ chức đoàn thể.

2.9. Bước 9: Giám sát và đánh giá thực hiện quy định

2.9.1. Phương pháp thực hiện:

a. Bối cảnh:

Việc UBND huyện ban hành quy định, và các cơ quan chức năng đã tổ chức các đợt tuyên truyền quy định đến tận cộng đồng sẽ giúp người

dân hiểu rõ và áp dụng quy định. Tuy nhiên, để giúp quy định được áp dụng trong thực tế cũng như giúp quá trình thực hiện được thuận tiện, việc giám sát và đánh giá việc áp dụng và thực hiện quy định tại cộng đồng rất cần thiết. Việc đánh giá sẽ giúp sửa đổi và hướng dẫn việc áp dụng quy định càng rõ ràng và dễ hiểu hơn, cũng như bổ sung và sửa đổi các thiếu sót và phát sinh trong quá trình triển khai trên thực tế.

b. Mục tiêu

- Giám sát việc thực hiện để việc áp dụng quy định đúng với mục tiêu đề ra, và thúc đẩy các bên liên quan áp dụng đúng quy định.
- Xác định các khó khăn, vướng mắc và các thiếu sót trong quá trình áp dụng để tổng hợp và báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh và bổ sung quy định.

c. Thành phần tham gia

- Cấp xã: Cán bộ kiểm lâm địa bàn và cán bộ phụ trách nông lâm nghiệp xã
- Cấp thôn: trưởng thôn và các tổ chức có liên quan như Ban quản lý rừng cộng đồng thôn, câu lạc bộ khuyến nông.

d. Tiến trình thực hiện và phương pháp

- Hoạt động giám sát: Thông qua các buổi họp giao ban về nông lâm nghiệp cũng như các buổi họp của các nhóm liên quan như BQL rừng cộng đồng, các vấn đề liên quan đến quy định được các bên liên quan phản ánh đến cán bộ nông lâm nghiệp xã và kiểm lâm địa bàn. Các cán bộ xã sẽ hỗ trợ trưởng thôn tuyên truyền và hướng dẫn thêm về quy định cũng như giám sát và thúc đẩy việc thực hiện quy định.
- Hoạt động đánh giá: Việc đánh giá việc thực hiện quy định được lồng ghép trong các buổi họp tổng kết đánh giá việc thực hiện các kế hoạch hàng năm của từng đơn vị như BQL rừng thôn, thôn và xã. Các nội dung đánh giá việc thực hiện quy định được lồng ghép

trong các báo cáo cũng như ý kiến của cộng đồng và cán bộ có liên quan. Tất cả các nội dung được tổng hợp ở phần báo cáo hoạt động nông lâm nghiệp của thôn và xã. Cán bộ Kiểm lâm địa bàn chịu trách nhiệm tổng hợp lại các vấn đề liên quan và phối hợp với cán bộ nông lâm nghiệp xã để báo cáo theo hệ thống báo cáo đã được quy định.

2.9.2. Kết quả đạt được:

- Tổ chức họp và đánh giá thực hiện quy định tại thôn/ bản (được lồng ghép với các nội dung khác tại các cuộc họp thôn và của BQL rừng cộng đồng thôn bản hoặc câu lạc bộ nhóm sở thích.
- Báo cáo giám sát và đánh giá việc thực hiện quy định được lồng ghép trong báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nông lâm nghiệp của thôn và xã.

III. CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM

3.1. Đối với tiến trình soạn thảo và phê duyệt

- Việc tổ chức đánh giá nhận thức và nhu cầu về các nội dung của quy định cũng như việc trình bày báo cáo ở các cấp khác nhau là cần thiết và quan trọng. Điều này là cơ sở để báo cáo và thuyết phục các nhà lãnh đạo địa phương thấy được nhu cầu cấp thiết cần phải ban hành các quy định nhằm giúp các cơ quan nhà nước thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.
- Việc soạn thảo và ban hành quy định của UBND huyện và xã phải tuân theo trình tự đã được luật pháp quy định.
- Việc xác định và thiết lập mối quan hệ với các cơ quan và người liên hệ chính liên quan đến quy định rất quan trọng. Thông qua mối quan hệ này, việc vận động hành lang dễ dàng hơn do cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin cho các đơn vị và cá nhân có thẩm quyền mà pháp luật quy định. Điều này sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ

thẩm định và phê duyệt cũng như hỗ trợ việc tổ chức thực hiện và giám sát sau này.

- Các thành viên của tổ tư vấn soạn thảo là những người đã có kinh nghiệm soạn thảo các văn bản pháp quy cũng như có kiến thức chuyên môn liên quan đến quản lý lâm sản ngoài gỗ. Ngoài ra, các thành viên trong nhóm soạn thảo có các kỹ năng làm việc tốt như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lắng nghe, vận động công chúng, thuyết trình, và vận động hành lang. Điều này giúp cho chất lượng của các bản thảo quy định phù hợp với các quy định của pháp luật và đáp ứng các yêu cầu của người dân cũng như các cơ quan quản lý nhà nước.
- Thông qua quá trình thực hiện vận động công chúng, các cơ quan chức năng ở địa phương đã tiếp cận được phương pháp mới và hiểu rõ được vai trò và tầm quan trọng của người dân trong tiến trình xây dựng chính sách. Mặt khác, người dân cũng hiểu và mong muốn tham gia vào các hoạt động tham vấn chính sách được tổ chức ở địa phương. Các hoạt động này đã giúp thúc đẩy tiến trình dân chủ ở địa phương mà luật pháp nhà nước đã cho phép và thúc đẩy thực hiện.

3.2. Đối với tiến trình vận động, thực hiện, giám sát và đánh giá

- Việc giám sát và đánh giá nên lồng ghép chung với các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ hàng năm nhằm giúp giảm chi phí và nhân lực.
- Cần phân công cụ thể người phụ trách ở cấp xã và cấp thôn nhằm giúp giải quyết nhanh các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.
- Việc lựa chọn đúng các đối tác tham gia thực hiện dự án có ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện dự án. CORENARM đã lựa chọn đúng các đối tác thực hiện dự án như Ban quản lý KBTTNPĐ, UBND xã Phong Mỹ, Trường THCS Phong Mỹ, Hội Thiên nhiên

vì Cuộc Sống (TNVCS). Các tổ chức này đã hỗ trợ và đóng góp nhân lực, phương pháp, mối quan hệ và cơ sở vật chất giúp thúc đẩy và thực hiện các hoạt động dự án thành công và đạt được các mục tiêu.

- Vận động công chúng tham gia vào tiến trình xây dựng, phê duyệt, thực hiện và giám sát đánh giá cần được áp dụng tổng hợp bằng nhiều giải pháp. Trong nghiên cứu này, Dự án đã sử dụng nhiều phương pháp vận động và tuyên truyền khác nhau rất có hiệu quả ở cấp cơ sở:
 - Đối tượng học sinh và giáo viên: Bằng các hoạt động truyền thông khác nhau như thành lập câu lạc bộ xanh, dã ngoại, đồ vui để học, tìm hiểu về bảo vệ môi trường thông qua hoạt động nhà báo và họa sĩ nhí, trồng cây gây rừng, văn nghệ về bảo vệ môi trường, đã giúp học sinh hiểu, nắm rõ, tham gia và cam kết bảo vệ môi trường. Đồng thời, giáo viên đã được nâng cao năng lực qua các hoạt động này. Từ đó, các em học sinh tham gia các hoạt động truyền thông đã tác động đến thái độ và hành vi của các em học sinh khác trong trường cũng như đến phụ huynh học sinh. Cụ thể các em học sinh đã vận động hơn 150 phụ huynh tham gia ký cam kết bảo vệ môi trường và động vật hoang dã trong chương trình 3 không (KHÔNG săn bắt, KHÔNG buôn bán, KHÔNG ăn thịt động vật hoang dã).
 - Đối tượng nông dân: thông qua Hội TNVCS và Hội Nông dân xã, Dự án đã vận động người dân tích cực tham gia các hoạt động do dự án tổ chức. Đặc biệt các Hội đã vận động các hội viên tham gia ký cam kết và cùng nhau thực hiện Quy định quản lý LSNG.
 - Đối tượng cán bộ cấp thôn bản và xã: thông qua các hoạt động truyền thông, cán bộ lãnh đạo xã tham gia các hoạt động và sự kiện do Dự án tổ chức. Đặc biệt, các cán bộ là những người đi đầu trong các hoạt động tuyên truyền và thực hiện. Điều này giúp người dân hăng hái hơn trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Chính quyền xã và cán bộ thôn bản cũng như người dân hiểu, tham gia xây dựng và quyết tâm thực hiện các quy định do các quy định phù hợp với nguyện vọng và nhu cầu của họ. Mặt khác, chính quyền các cấp hỗ trợ và cam kết thực hiện quy định.
- Tổ chức thực hiện: Việc tổ chức thực hiện quy định được thực hiện có tính chiến lược. Các nội dung và văn bản của Quy định đã được tổ công tác (gồm Hạt Kiểm lâm, KBTTN Phong Điền, UBND xã và Hội Nông dân) đã tổ chức tuyên truyền, giải thích và phân phát các nội dung đến tận hộ gia đình ở tất cả các thôn của xã. Thông qua buổi đối thoại này, người dân hiểu rõ và đã ký cam kết thực hiện. Đồng thời, chính quyền xã và các tổ chức quần chúng cấp xã và thôn ủng hộ, cam kết và theo dõi đánh giá việc thực hiện quy định.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Phước Chương và cộng sự, 2010. Báo cáo khảo sát đánh giá nhận thức về bảo tồn thiên nhiên và nhu cầu xây dựng qui chế “Quản lý, khai thác và sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ” trong khu vực vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền. Tài liệu dự án.

Daniel S. & Ingie H., 2004. Tools for Policy Impact: A Handbook for Researchers, Overseas Development Institute.

Quỹ Châu Á (TAF), 2010 (1). Huy động Công chúng Tham gia Xây dựng Chính sách và Pháp luật.

Quỹ Châu Á (TAF), 2010 (2). Huy động Cộng đồng Tham gia Vận động Chính sách.

UNFPA, 1997. Hướng dẫn về trợ giúp vận động chính sách.

Viện Môi trường và Phát triển (VESDI), 2010. Tài liệu tập huấn- Vận động chính sách, Khóa tập huấn TOT về “Huy động sự tham gia của công chúng trong vận động chính sách” tại Huế ngày 07-09/01/2010.

Vũ Vuân Tiên - Vận động chính sách ở Việt Nam: Những vướng mắc và giải pháp tháo gỡ.

Các luật và văn bản dưới luật

Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, 2004. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, số 31/2004/QH11, ngày 14/12/2004 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Truy cập ngày 07/08/2010, tại http://www.chinhphu.vn/portal/page?_pageid=578,33345598&_dad=portal&_schema=PORTAL&docid=13660

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, 2007. Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 30/04/2007.

Truy cập ngày 07/08/2010, tại
http://www.chinhphu.vn/portal/page?_pageid=578,33345598&dad=portal&_schema=PORTAL&docid=55805

Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004.

Luật đa dạng sinh học năm 2009.

Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

Nghị định 161/2005/NĐ-CP của ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

Quyết định số 40/2005/ QĐ-BNN ngày 07 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác.

Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 về việc ban hành quy chế quản lý rừng.

Quyết định số 245/1998/ QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Xác định các vấn đề liên quan đến quản lý và thực hiện quy chế

TT	Nội dung và giải pháp đề xuất	AI chịu trách nhiệm chính và Các bên liên quan	Công cụ/ chính sách hỗ trợ	Khi nào và ở đâu
1.	Giám sát thực hiện Quy chế	a. Chịu trách nhiệm chính: Ban quản lý thôn b. Các bên liên quan • BQL thôn • Tổ trật tự cộng đồng • Hạt kiểm lâm (huyện và KBT) • Chính quyền xã	- Giám sát tại nơi thu mua - Đăng ký tên và khai thác theo nhóm sản phẩm - Tuần tra và khảo sát theo khu vực - Người ngoài xã Phong Mỹ báo cho thôn	a. Khi nào - Trước khi vào rừng khai thác (quý, 6 tháng, đợt) - Thường xuyên đăng ký khai thác b. Ở đâu - Đăng ký tại thôn - Ban giám sát quy chế - Đăng ký tại hạt kiểm lâm
2.	Đánh giá việc thực hiện Quy chế	a. Chịu trách nhiệm chính: Ban quản lý thôn b. Các bên liên quan • BQL thôn, Người dân trong thôn, Tổ trật tự cộng đồng • Hạt kiểm lâm (huyện và KBT) • Chính quyền xã	Tổ chức họp thôn (lồng ghép họp với các nội dung khác)	c. Khi nào - Hội nghị đánh giá 6 tháng - Hội nghị đánh giá 1 năm - Hội nghị đánh giá sau 1 chu kỳ khai thác
3.	Cơ chế thưởng phạt	a. Chịu trách nhiệm chính: Ban quản lý thôn b. Các bên liên quan • Người dân trong thôn • Tổ trật tự cộng đồng	a. Theo quy chế: Ai sai cứ tiến hành xử lý theo quy chế b. Mức xử lý: Sai địa điểm, sai quy cách và sai thời gian khai thác thì xử lý theo các mức • Mức 1: Phê bình, nhắc nhở • Mức 2: Phạt tiền. Gấp 3 lần	➤ Tranh chấp quyền lợi khai thác - Giữa hộ gia đình và hộ gia đình thì BQL can thiệp - Giữa hộ gia đình và BQL quy chế thì cơ quan nhà nước cao hơn can thiệp

TT	Nội dung và giải pháp đề xuất	Ai chịu trách nhiệm chính và Các bên liên quan	Công cụ/ chính sách hỗ trợ	Khi nào và ở đâu
		- Hạt kiểm lâm - Chính quyền xã	- giá trị của sản phẩm (khi sai quy cách) - Mức 3: thu giấy phép 1 tháng, nếu tái phạm thì thu giấy phép vĩnh viễn	Phương thức giải quyết: hoà giải, theo quy chế và pháp luật
4.	Các chi phí quản lý	a. Chịu trách nhiệm chính: Ban quản lý thôn b. Các bên liên quan - BQL thôn - Người dân trong thôn - Chính quyền xã	- Thu từ đầu - Thu từ người thu mua - Từ khu du lịch Khe Me và Don - Hỗ trợ từ các tổ chức NGOs - Từ ngân sách của nhà nước (chỉ phí quản lý bảo vệ rừng của xã)	
5.	Các hình thức tuyên truyền vận động	a. Chịu trách nhiệm chính: Ban quản lý thôn b. Các bên liên quan - BQL thôn - Người dân trong thôn - Chính quyền xã	a. Hóp dân, truyền thanh công cộng và áp phích b. Xây dựng mô hình điểm c. Hỗ trợ thông tin thị trường sản phẩm d. Hỗ trợ kỹ thuật trồng mới và tái sinh	
6.	Chia sẻ lợi ích	Quản lý phí và thu: BQL thôn	a. Phương thức: Thu từ người thu mua b. Tỷ lệ %: Mây: 03%; Lá nón : 02%	a. Thời gian tổ chức thu phí: Mây theo chuyên; Lá nón; hàng ngay tại các điểm thu mua. b. Nơi thu: Người thu mua.

Nguồn: Báo cáo kết quả tham vấn cộng đồng về quản lý LSNG, CORENARM, 2010

Phụ lục 2: Danh sách các văn bản pháp luật làm căn cứ để soạn thảo quy định

- a. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, số 31/2004/QH11, ngày 14/12/2004 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam.
- b. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996, và Luật số 2/2002/QH11 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 12 năm 2002.
- c. Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;
- d. Luật đa dạng sinh học năm 2009
- e. Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 30/04/2007.
- f. Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;
- g. Nghị định 161/2005/NĐ-CP của ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- h. Nghị định 119/2006/ NĐ-CP ngày 16/10/2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Kiểm lâm;
- i. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- j. Quyết định số 40/2005/ QĐ-BNN ngày 07 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác;
- k. Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 về việc ban hành quy chế quản lý rừng;

- l. Quyết định số 2242 /QĐ-BNN-LN ngày 7 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng bộ NN&PTNT về việc ban hành Kế hoạch hành động bảo tồn và phát triển lâm sản ngoài gỗ giai đoạn 2007-2010;
- m. Quyết định số 245/1998/ QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp;
- n. Thông tư 94/2001/ TT-BNN-TCCB ngày 21/9/2001 hướng dẫn thực hiện quyết định số 245/1998/ QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp;
- o. Quyết định số 22/2002/ QĐ-TTg ngày 30/1/2002 về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA).

Phụ lục 3: Quyết định của UBND xã Phong Mỹ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHONG MỸ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/QĐ-UBND

Phong Điền, ngày 17 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định Cộng đồng tham gia quản lý, khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ tại vùng đệm Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Điền

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHONG MỸ

Căn cứ luật tổ chức HĐND-UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ luật đa dạng sinh học năm 2009;

Căn cứ quyết định số 245/1998/ QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp;

Căn cứ thông tư 94/2001/ TT-BNN-TCCB ngày 21/9/2001 hướng dẫn thực hiện quyết định số 245/1998/ QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;

Căn cứ Quyết định số 40/2005/ QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác;

Căn cứ quyết định số 2242 /QĐ-BNN-LN ngày 7 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng bộ NN&PTNT về việc ban hành Kế hoạch hành động bảo tồn và phát triển lâm sản ngoài gỗ giai đoạn 2007-2010;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khai thác lâm sản ngoài gỗ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, các tổ chức xã hội, các thôn bản và những tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có các hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn xã Phong Mỹ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Như Điều 3; BQL khu BTTN
Phong Điền;
- Lưu: Văn thư

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Khắc Thọ

QUYẾT ĐỊNH

Cộng đồng tham gia quản lý, khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ tại xã Phong Mỹ thuộc vùng đệm Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Điền

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2011
của Chủ tịch UBND xã Phong Mỹ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của quy định:

Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ nhằm hướng tới mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên lâm sản ngoài gỗ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng và các bên liên quan về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này điều chỉnh việc tổ chức quản lý và khai thác lâm sản ngoài gỗ (LSNG) tại các khu rừng không thuộc rừng đặc dụng trên địa bàn xã Phong Mỹ.
2. Quy định này áp dụng đối với cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có các hoạt động liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ thuộc địa bàn xã Phong Mỹ (riêng diện tích rừng đã quy hoạch vào mục đích rừng đặc dụng không áp dụng Quy định này).

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức quản lý lâm sản ngoài gỗ

Quy định quản lý, khai thác và sử dụng lâm sản ngoài gỗ được xây dựng và thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. LSNG tại các khu rừng phòng hộ và rừng sản xuất phải được tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng hướng đến mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên;
2. Việc khai thác LSNG phải theo đúng mục đích sử dụng và không làm ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của từng loại rừng; không ảnh hưởng đến độ che phủ của rừng, không làm tuyệt chủng, sinh trưởng, và phát triển của những loài động vật, thực vật trong rừng; sử dụng hợp lý tài nguyên rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và đảm bảo an ninh, quốc phòng;
3. Không vi phạm các quy định về quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ;
4. Đảm bảo tính công khai, dân chủ, minh bạch;
5. Đảm bảo sự hài hòa giữa lợi ích của cá nhân, tổ chức, nhà nước;
6. Tôn trọng phong tục tập quán khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ của cộng đồng và ưu tiên cho các cộng đồng dân tộc thiểu số sống gần rừng.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Thuật ngữ dùng trong Quy định được hiểu như sau:

1. Khai thác bền vững là những hoạt động khai thác không ảnh hưởng đến độ che phủ của rừng, không làm tuyệt chủng những loài thực vật sinh trưởng, và tồn tại trong rừng, bảo tồn và phát triển được các hệ sinh thái nguyên thủy trong rừng.
2. Các phương pháp khai thác truyền thống là những phương pháp thu hoạch bằng các công cụ thủ công truyền thống, không có nguy cơ hủy diệt hàng loạt các loài thực vật; duy trì các tập quán và truyền thống của cộng đồng bản địa.
3. Cộng đồng địa phương trong quy chế này được hiểu là toàn bộ hộ gia đình, cá nhân sinh sống trong cùng một thôn, làng, bản hoặc đơn vị tương đương thuộc các xã vùng đệm.
4. Ban quản lý thôn/bản là người đại diện của cộng đồng để giải quyết các quyền và nghĩa vụ có liên quan đến quản lý, khai thác và sử dụng lâm sản ngoài gỗ giữa cộng đồng với cộng đồng và giữa cộng đồng với chính quyền địa phương.
5. Ban quản lý được hiểu là Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.
6. Chính quyền địa phương được hiểu là UBND xã Phong Mỹ

7. Tổ giám sát được hiểu là một tổ chức bao gồm đại diện của cộng đồng, chính quyền địa phương, Kiểm lâm địa bàn do Chủ tịch UBND xã ra quyết định thành lập.

Điều 5. Các bên tham gia quản lý, sử dụng và khai thác lâm sản ngoài gỗ.

1. Cá nhân, các hộ gia đình, các cộng đồng sống ở vùng đệm mà sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên rừng;
2. Ban quản lý thôn/bản;
3. UBND xã Phong Mỹ;
4. Tổ tuần tra cộng đồng;
5. Tổ giám sát;
6. Các bên liên quan: Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, Hạt Kiểm lâm Khu bảo tồn, Hạt Kiểm lâm Phong Điền, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phong Điền.

Chương II

KHAI THÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN LÂM SẢN NGOÀI GỖ

Điều 6. Các tài nguyên LSNG được phép khai thác, sử dụng và phương thức khai thác.

1. Lâm sản ngoài gỗ được phép khai thác trong quy định này bao gồm mây (các loại), lá nón, cây đước liệu, tre, nứa, hoa quả, mật ong, v.v. không nằm trong quy định cấm khai thác theo nghị định 32/2006/NĐ-CP của chính phủ, sách Đỏ Việt Nam và các Công ước quốc tế mà Việt nam tham gia ký kết.
2. Mùa vụ và kỹ thuật khai thác của từng loại LSNG, xem phụ lục quy định.

Điều 7. Quy định vùng được phép khai thác lâm sản ngoài gỗ.

1. Địa điểm được phép khai thác LSNG không nằm trong diện tích rừng đặc dụng do Ban quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Phong Điền quản lý.
2. Khu vực khai thác LSNG phải được phân vùng khai thác theo từng năm.
3. Luân kỳ khai thác ở vùng được phép khai thác cách nhau ít nhất là 3 năm.
4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi khai thác chỉ được sử dụng phương pháp thủ công truyền thống. Tuyệt đối không được sử dụng các trang thiết bị máy móc hiện đại mang tính hủy diệt.

5. Vùng khai thác xác định trên cơ sở ý kiến tham gia của cộng đồng trong quá trình thảo luận để xác định diện tích, địa điểm, lâm sản khai thác chính, thông qua Ban quản lý thôn/bản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Quản lý về khai thác lâm sản ngoài gỗ.

1. Đơn xin khai thác:

Hộ gia đình, cá nhân muốn khai thác, sử dụng LSNG phải có đơn xin khai thác gửi cho Ban quản lý thôn/bản bao gồm các nội dung:

- a. Họ tên, địa chỉ của người xin phép khai thác.
- b. Chung loại và số lượng xin phép khai thác.
- c. Địa điểm xin khai thác.
- d. Thời gian bắt đầu và kết thúc đợt khai thác.
- e. Cam kết thực hiện các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm trong quá trình khai thác.

2. Thẩm quyền cấp giấy phép khai thác:

Căn cứ trên ý kiến đề xuất của Ban quản lý thôn/bản về kế hoạch khai thác, địa điểm khai thác, thời gian khai thác, cam kết thực hiện trong quá trình khai thác của các hộ gia đình, cá nhân và ý kiến xác nhận của Kiểm lâm địa bàn, các chủ rừng căn cứ vào điều kiện thực tế về trữ lượng LSNG và yêu cầu quản lý để cấp giấy phép khai thác và quy cụ thể về thời hạn có hiệu lực của giấy phép khai thác.

- a. Đối với diện tích rừng do cộng đồng quản lý do Ban quản lý rừng cộng đồng cấp phép dưới sự giám sát của UBND xã.
- b. Đối với diện tích rừng thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý do Giám đốc BQL rừng phòng hộ xem xét và cấp giấy phép khai thác.
- c. Đối với diện tích rừng thuộc UBND xã quản lý do Chủ tịch UBND xã xem xét và cấp giấy phép khai thác.

3. Kiểm tra, giám sát quá trình khai thác.

- a. Ban quản lý thôn/bản căn cứ giấy phép khai thác để xây dựng kế hoạch kiểm tra hoặc phối hợp với kiểm lâm địa bàn để thực hiện.

- b. Nội dung kiểm tra: Sổ giấy phép, chủng loại, số lượng được khai thác, địa điểm khai thác, thời gian, kỹ thuật khai thác, thực hiện các quy định về quản lý bảo vệ và PCCCR, v.v.
- c. Căn cứ vào Giấy phép khai thác, kết quả báo cáo của Ban quản lý thôn/bản và tình hình thực tế vào cuối mùa khai thác Tổ giám sát sẽ tiến hành kiểm tra để đánh giá kết quả thực hiện việc khai thác LSNG của các hộ gia đình, cá nhân được cấp phép khai thác để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch khai thác, biện pháp quản lý và xử lý các vi phạm.

Điều 9. Thủ tục cấp và thu hồi giấy phép khai thác

1. Việc cấp phép khai thác được tiến hành theo thủ tục sau:
 - a. Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng có nhu cầu khai thác làm đơn đề nghị có xác nhận của Ban quản lý thôn/bản và gửi đến các cơ quan có thẩm quyền (Điều 8-khoản 2);
 - b. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đơn, các cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp giấy phép khai thác. Nếu từ chối cấp phép, trong vòng 5 ngày các cơ quan tiếp nhận đơn phải thông báo bằng văn bản cho Ban quản lý thôn/bản biết và nêu rõ lý do từ chối.
 - c. Việc cấp phép khai thác chỉ được thực hiện đối với các nguồn tài nguyên LSNG đã được quy định. Cơ quan và tổ chức có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác phải chịu trách nhiệm tính pháp lý của việc cấp giấy phép khai thác.
2. Cơ quan và tổ chức có thẩm quyền cấp giấy phép sẽ thu hồi giấy phép khai thác trong các trường hợp sau:
 - a. Người được cấp giấy phép, lợi dụng giấy phép để khai thác, săn bắt động-thực vật rừng trái phép.
 - b. Người được cấp giấy phép vi phạm các quy định trong quản lý khai thác;
 - c. Khai thác, thu hoạch vượt quá 10% ghi trong giấy phép;

Điều 10. Trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân tham gia quản lý, khai thác, sử dụng LSNG.

1. Quyền lợi:

- a. Được khai thác các nguồn tài nguyên LSNG theo quy định của giấy phép;

- b. Được tập huấn các kiến thức về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học;
- c. Được quyền tham gia ý kiến vào việc lập kế hoạch, địa điểm, vùng khai thác LSNG;
- d. Có quyền ngăn chặn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vi phạm các điều khoản trong quy định về quản lý và khai thác LSNG;
- e. Được quyền quyết định về giá trị của sản phẩm LSNG do hộ gia đình, cá nhân tổ chức khai thác.

2. Trách nhiệm:

- a. Chấp hành đúng các quy định về QLBR, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và các nội dung ghi trong giấy phép khai thác LSNG;
- b. Thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương hoặc các cơ quan chức năng khi phát hiện những hành vi vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng;
- c. Không tiếp tay, gửi công lương thực, thực phẩm, phương tiện, công cụ để các cá nhân, tổ chức thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;
- d. Tuyên truyền, vận động các thành viên trong hộ gia đình và các hộ xung quanh thực hiện tốt các quy định về quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên;
- e. Trực tiếp tham gia ngăn chặn các hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ rừng khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;
- f. Có kế hoạch, tham gia thực hiện công tác trồng mới, chăm sóc các loại cây LSNG trên diện tích đã khai thác LSNG.

3. Nghĩa vụ:

- a. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác, sử dụng LSNG có nghĩa vụ đóng lệ phí tài nguyên theo quy định của đơn vị cấp giấy phép;
- b. Mức lệ phí khai thác không vượt quá 10% trên tổng sản lượng khai thác được tính theo đơn xin khai thác;

Điều 11. Hoạt động của Ban quản lý thôn/bản.

- 1. Ban quản lý thôn/bản đại diện cho cộng đồng đàm phán, ký kết, tổ chức triển khai và giám sát thực hiện quy định quản lý khai thác, sử dụng LSNG.

2. Ban quản lý thôn/bản hoạt động theo nguyên tắc tập thể, dân chủ và chịu trách nhiệm trước những cá nhân, hộ gia đình hoặc cộng đồng mà họ đại diện.
3. Đảm bảo tính xác thực, công minh khi xác nhận nhu cầu khai thác, nhân thân của những người làm đơn xin cấp giấy phép khai thác các nguồn tài nguyên LSNG.
4. Thường xuyên phản ánh kết quả các hoạt động xóa đói, giảm nghèo theo các chương trình khác của Nhà nước, của các tổ chức xã hội đối với cộng đồng để làm cơ sở cho việc hoạch định các giải pháp nhằm phát triển nguồn tài nguyên LSNG bền vững.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền lợi của ban quản lý thôn/bản

1. Trách nhiệm

- a. Xây dựng kế hoạch khai thác LSNG hàng năm; tiếp nhận đơn xin khai thác và làm thủ tục trình tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác;
- b. Xây dựng kế hoạch trồng, chăm sóc và bảo vệ các loài cây lâm sản ngoài gỗ ở những vùng sau khi khai thác.
- c. Là tổ chức đại diện của cộng đồng để giải quyết các quyền và nghĩa vụ có liên quan đến quản lý, khai thác và sử dụng lâm sản ngoài gỗ giữa cộng đồng với cộng đồng và giữa cộng đồng với chính quyền địa phương.
- d. Chủ động tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ theo đúng nội dung trong giấy phép khai thác.
- e. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hộ gia đình, cá nhân trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ.
- f. Tham gia xem xét và đề xuất xử lý các hành vi vi phạm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có các hành vi vi phạm quy định quản lý, khai thác và sử dụng lâm sản ngoài gỗ.
- g. Chịu trách nhiệm trước cộng đồng, chính quyền địa phương và hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện Quy định.

2. Quyền lợi

- a. Được hưởng một phần kinh phí để chi phí cho các hoạt động quản lý thực hiện Quy chế từ nguồn thuế tài nguyên và các nguồn khác (nếu có);

- b. Được hưởng đầy đủ các quyền lợi theo khoản 1, điều 10 của Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm quyền hạn và quyền lợi của Tổ tuần tra cộng đồng

1. Trách nhiệm

- a. Tuyên truyền công tác bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, phòng cháy, chữa cháy rừng, quy định quản lý và khai thác LSNG đến tận hộ gia đình và cá nhân;
- b. Lập kế hoạch tuần tra, kiểm tra tại các khu vực quy định được phép khai thác ít nhất mỗi tháng một lần;
- c. Phối hợp với BQL Khu BTTN Phong Điền, Hạt Kiểm lâm sở tại, UBND xã trong các hoạt động kiểm tra khi cần thiết và có yêu cầu;
- d. Thường xuyên bố trí lực lượng kiểm tra, kịp thời ngăn chặn có hiệu quả các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn được giao theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mọi hoạt động;
- e. Khi xảy ra cháy rừng, nhóm tuần tra dựa vào cộng đồng phải có mặt kịp thời để trực tiếp chữa cháy rừng và huy động nhân dân tại thôn mình tham gia vào chữa cháy rừng.

2. Quyền hạn:

- a. Có quyền ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, Hương ước của thôn và báo cáo trực tiếp cho các cơ quan có liên quan.
- b. Trong trường hợp phát hiện các hành vi phạm pháp quả tang trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, tổ TTCĐ có quyền lập biên bản phạm pháp quả tang; Trong trường hợp đặc biệt có quyền áp giải những đối tượng vi phạm để giao cho các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo luật định.

3. Quyền lợi:

- a. Hộ gia đình của thành viên tổ TTCĐ được Ban quản lý thôn/bản xem xét ưu tiên trình tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác LSNG.
- b. Được hưởng thù lao, các khoản phụ cấp trong những ngày thực hiện nhiệm vụ tuần tra rừng trên cơ sở được trích từ nguồn kinh phí do

cộng đồng thảo thuận trích nộp từ khoản thu về khai thác LSNG và hỗ trợ từ quỹ bảo vệ rừng và các tổ chức khác tài trợ.

- c. Được hưởng các chế độ theo quy định của nhà nước khi tham gia đấu tranh ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng.
- d. Được ưu tiên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, tham quan học hỏi kinh nghiệm về bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn ĐDSH.

Điều 14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương.

- 1. Tiếp nhận, xem xét và cấp giấy phép khai thác lâm sản ngoài gỗ.
- 2. Xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.
- 3. Tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện quy định quản lý, khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ.
- 4. Giải quyết các tranh chấp giữa các hộ gia đình trong quá trình khai thác và sử dụng lâm sản ngoài gỗ.
- 5. Thẩm định và phê duyệt các phân vùng khai thác lâm sản ngoài gỗ trên cơ sở đề xuất của Ban quản lý thôn/bản.
- 6. Tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện pháp luật bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 15. Trách nhiệm của BQL Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Điền với tư cách là chủ rừng đóng trên địa bàn xã Phong Mỹ.

- 1. Tư vấn hỗ trợ cộng đồng trong quá trình xác định địa điểm, phân vùng khai thác, loại lâm sản khai thác. Tham gia giám sát quá trình thực hiện quy định quản lý và khai thác LSNG.
- 2. Đào tạo, tập huấn về kỹ thuật tuần tra bảo vệ, trồng, khai thác và sử dụng các loại lâm sản ngoài gỗ.
- 3. Tư vấn về kỹ thuật khai thác, thị trường đầu ra của sản phẩm lâm sản ngoài gỗ.
- 4. Hỗ trợ tư vấn cộng đồng, Ban quản lý thôn/bản, chính quyền địa phương trong quá trình tổ chức quản lý bảo vệ và khai thác sử dụng lâm sản ngoài gỗ.
- 5. Xây dựng các mô hình thí điểm về trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ đúc rút kinh nghiệm để triển khai nhân rộng.

Điều 16. Trách nhiệm của Cán bộ Kiểm lâm địa bàn.

1. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt luật bảo vệ và phát triển rừng.
2. Tư vấn và hướng dẫn cho các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân trong quản lý sử dụng, phát triển tài nguyên lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn.
3. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.
4. Phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng, huấn luyện lực lượng quần chúng bảo vệ rừng, tuần tra bảo vệ các vùng khai thác.
5. Giám sát quá trình thực hiện quy định quản lý và sử dụng khai thác LSNG.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ sở thu mua LSNG trên địa bàn:

1. Các cơ sở thu mua và chế biến lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn xã Phong Mỹ, bao gồm các cá nhân, hộ gia đình và các đơn vị kinh doanh, có trách nhiệm chỉ được thu mua các lâm sản ngoài gỗ được phép kinh doanh không nằm trong danh mục cấm theo nghị định 32/2006/NĐ-CP của chính phủ, sách Đỏ Việt Nam và các Công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.
2. Các cơ sở thu mua chỉ được phép thu mua các loài song mây và các loại LSNG khác theo các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được quy định tại Phụ lục 1 của Quy định này.
3. Các cơ sở thu mua có trách nhiệm đóng thuế tài nguyên, thuế VAT và các khoản lệ phí theo quy định.

Chương III

PHỐI HỢP, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Phối hợp hoạt động

1. Ban quản lý thôn/bản, tổ Tuần tra cộng đồng và Chính quyền địa phương, kiểm lâm địa bàn hàng quý họp báo để nghe Tổ giám sát báo cáo tình hình khai thác LSNG; thảo luận và đưa ra các giải pháp khắc phục những khó khăn trong việc thực hiện quy định.
2. Khi có yêu cầu của Ban quản lý thôn/bản về xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định và các hành vi vi phạm về Quản lý - Bảo vệ

rừng thì chính quyền địa phương, Kiểm lâm địa bàn, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan có trách nhiệm cử lực lượng tham gia để giải quyết.

Điều 19. Giám sát việc thực hiện Quy định.

1. Tổ giám sát thực hiện Quy định.

Tổ giám sát có từ 5 đến 7 thành viên, bao gồm đại diện của các cơ quan, tổ chức sau:

- a. Đại diện Khu BTTN Phong Điền;
- b. Kiểm lâm địa bàn;
- c. Thành viên của Ban quản lý thôn/bản;
- d. Đại diện của Chính quyền địa phương;
- e. Đại diện Tổ tuần tra cộng đồng

2. Tổ giám sát

- a. Giám sát quá trình thực hiện Quy định thông qua việc kiểm tra việc cấp giấy phép khai thác LSNG, thực hiện kế hoạch khai thác, trách nhiệm-nghĩa vụ-quyền lợi của các bên tham gia trong quá trình thực hiện Quy định;
- b. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các bên tham gia;
- c. Phát hiện và thông báo kịp thời cho trường Ban quản lý thôn/bản về những vi phạm đối với Quy định và kiến nghị biện pháp khắc phục;
- d. Đề xuất các biện pháp xử vi phạm hoặc trực tiếp xử lý các vi phạm theo thẩm quyền trong Quy định;
- e. Đề xuất những giải pháp giúp chính quyền địa phương thực hiện tốt trách nhiệm quản lý Nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn.

Điều 20. Xử lý vi phạm

Tùy theo mức độ, tính chất mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vi phạm Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ, thì bị xử lý theo các hình thức sau đây:

1. Phê bình trước cộng đồng;
2. Đình chỉ hoạt động khai thác LSNG và tạm giữ các phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm;
3. Đề nghị tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thu hồi Giấy phép khai thác;

4. Chuyển hồ sơ vi phạm cho các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Điều 21. Giải quyết tranh chấp.

1. Các tranh chấp phát sinh giữa cá nhân với hộ gia đình sẽ do Ban quản lý thôn/bản thực hiện theo phương thức hòa giải.
2. Các tranh chấp phát sinh giữa hộ gia đình với Ban quản lý thôn/bản do chính quyền địa phương giải quyết.
3. Trong trường hợp các tranh chấp phát sinh giữa các bên đã giải quyết theo khoản 1, khoản 2 của điều này mà không thành thì chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Điều 21. Khen thưởng các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác sử dụng LSNG có thành tích trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia quy định quản lý khai thác và sử dụng LSNG nằm trong diện được khen thưởng hàng năm do UBND xã, các đơn vị chủ rừng có thẩm quyền xem xét khen thưởng theo tiêu chí riêng của mỗi đơn vị trên cơ sở đề xuất của Ban quản lý thôn/bản.
2. Hình thức khen thưởng do Ban quản lý thôn/bản đề xuất dựa trên ý kiến của cộng đồng do UBND xã hoặc các đơn vị chủ rừng có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 22. Nguồn kinh phí thực hiện.

1. Nguồn thu từ lệ phí khai thác sử dụng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ;
2. Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua quỹ bảo vệ rừng;
3. Các tổ chức kinh tế, dự án hỗ trợ;
4. Nguồn lực đóng góp từ cộng đồng, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ tại địa phương.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 23. Đánh giá việc khai thác LSNG

1. Ủy ban nhân dân xã Phong Mỹ có trách nhiệm giám sát và đánh giá tình hình quản lý, khai thác, sử dụng LSNG tại địa phương.

2. Kiểm lâm địa bàn đôn đốc, hướng dẫn cộng đồng thực hiện theo quy định.

Điều 24. Điều khoản thi hành.

1. Quy định này được áp dụng đối với cộng đồng địa phương và các bên liên quan tham gia quản lý, khai thác, sử dụng lâm sản ngoài gỗ.
2. Quy định này có hiệu lực ngay sau khi có quyết định của chủ tịch UBND xã Phong Mỹ ký ban hành.

CHỦ TỊCH

Đã ký

**PHỤ LỤC QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN VÀ LOẠI LƯỢNG ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC TẠI VÙNG ĐỆM KHU
BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG ĐIỀN**

TT	Loại Lâm sản ngoài gỗ	Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác (T/c tối thiểu được khai thác)	Quy định thời gian và số lượng Khai thác		Đối tượng	
			Thời gian KT	Số lượng KT	Người khai thác	Giám sát
1	Mây Nước	5,2m	1 năm/ lần (T3 - T10)	50%/bụi	Rừng cộng đồng: hộ gia đình, cộng đồng quản lý. Rừng xã: Người trong xã RPHộ: Mọi người trong xã.	BQL thôn CBộ LN xã KL địa bàn
2	Mây Trắc	10m				
3	Mây Song	5,2m				
4	Mây Hềo	2,5m				
5	Mây Rã	2m				
6	Lá nón	Dài 30 - 50cm, lá còn búp;	T4-T9	50% số lá/bụi	Cộng đồng xã, thôn tại địa phương	
7	Mật ong	Đường kính tổ > 50cm	T4-T6	Lấy hết	Cộng đồng xã, thôn tại địa phương	
8	Cây cảnh	0	0	0	0	Kiểm lâm, BQL
9	Giang, Măng	0	0	0	0	0
10	Rau ráu	Thân bò 7,5 cm	Quanh năm		Cộng đồng xã, thôn tại địa phương	
11	Tràm	0	0	0	0	0

TT	Loại Lâm sản ngoài gỗ	Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác (T/c tối thiểu được khai thác)	Quy định thời gian và số lượng Khai thác		Đối tượng	
12	Măng	Măng cao trên 50cm	Quanh năm	70% tổng số măng/ 01 bụi	Cộng đồng xã, thôn tại địa phương	BQL thôn; CBQ LN xã; KL địa bàn
13	Phong Lan	Không được phép khai thác				Kiểm lâm, BQL
14	Môn thực	chiều cao 50cm	Quanh năm	lấy 30%,	Cộng đồng xã, thôn tại địa phương	
15	Bướm bạc	Dây > 1cm, ko nhỏ gốc, Ko khai thác cây non,	Mùa hè	lấy hết	Cộng đồng xã, thôn tại địa phương	
16	Lá vắn	chừa gốc 20cm	Mùa hè	lấy hết	Cộng đồng xã, thôn tại địa phương	

Trình tự thủ tục về việc đăng ký khai thác LSNG:

Bước 1: Hộ gia đình hoặc nhóm hộ phải làm làm giấy xin khai thác khai thác LSNG theo các chủng loại đã được quy định ở Phụ lục 1. Mẫu giấy xin khai thác LSNG ở *phụ lục 5*

Bước 2: UBND xã có trách nhiệm xác nhận hộ gia đình đang sinh sống tại địa phương. Ưu tiên những nhóm hộ có nghề truyền thống và có cuộc sống phụ thuộc vào nhóm loại LSNG

Bước 3: Căn cứ vào kế hoạch khai thác LSNG hàng năm của thôn, Kiểm lâm địa bàn có trách nhiệm cân đối, xác nhận và giám sát về số lượng, thời gian và địa điểm khai thác trên cơ sở đảm bảo tính khả thi và khả năng tái phục hồi của nhóm LSNG đó.

Bước 4: Hộ gia đình hoặc nhóm hộ đã có đơn được xác nhận của Kiểm lâm địa bàn phải có trách nhiệm khai thác đúng theo số lượng, chủng loại và thời gian quy định ở đơn xin khai thác, và phải có trách nhiệm báo cáo với trưởng thôn và Kiểm lâm đóng trên địa bàn.

Lập kế hoạch khai thác lâm sản ngoài gỗ (LSNG) theo quy định của thôn

1. Nguyên tắc lập kế hoạch dựa vào cộng đồng:

- 1.1 Thôn chủ động lập kế hoạch có sự hướng dẫn của kiểm lâm Khu BTTN Phong Điền và Hạt Kiểm lâm Phong Điền;
- 1.2 Căn cứ vào đặc tính sinh học của loài LSNG để xác định chu kỳ khai thác;
- 1.3 Xác định vùng khai thác theo khoảnh, tiểu khu trên bản đồ huyện Phong Điền (có mô tả tên, vị trí theo địa phương).
- 1.4 Có thể xác định được trữ lượng khai thác theo từng chủng loại LSNG.

2. Mẫu lập kế hoạch khai thác LSNG bền vững

TT	Loại LSNG	Thời gian khai thác	Vùng khai thác (Khoảnh – Tiểu Khu)	Số lượng/ khối lượng khai thác
1	Các loại mây			
2	Lồ ô, Tre, Trúc các loại			
3	Lá nón			
4	...			

Các quy định của thôn về việc quản lý và sử dụng LSNG:

(Trích trong văn bản Hương ước của thôn hoặc văn bản Thôn văn hóa)

